



Vui lòng quét mã QR để tải Báo cáo thường niên 2022
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022

Liên hệ



www.vinatransdn.com.vn
info@vinatransdn.com.vn



SĐT: (0236)3821 240
Fax: (0236)3821 310



184 đường Trần Phú, Phường Phước Ninh,
Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng, Việt Nam

MỤC LỤC



Thông tin chung



Tình hình hoạt động trong năm



Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc



Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty



Quản trị công ty



Báo cáo tài chính



01 THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Các rủi ro



Thông tin chung

Thông tin khái quát



Tên giao dịch : CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI MIỀN TRUNG

Giấy chứng nhận đăng ký : Số 0400426836 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Đà Nẵng cấp lần đầu ngày
doanh nghiệp 12/08/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 22/09/2021
Vốn điều lệ : 31.500.000.000 đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 31.500.000.000 đồng

Địa chỉ : 184 đường Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, Thành phố
Đà Nẵng, Việt Nam

Số điện thoại : (0236) 3821 240

Số fax : (0236) 3821 310

Website : www.vinatransdn.com.vn

Mã cổ phiếu : VMT

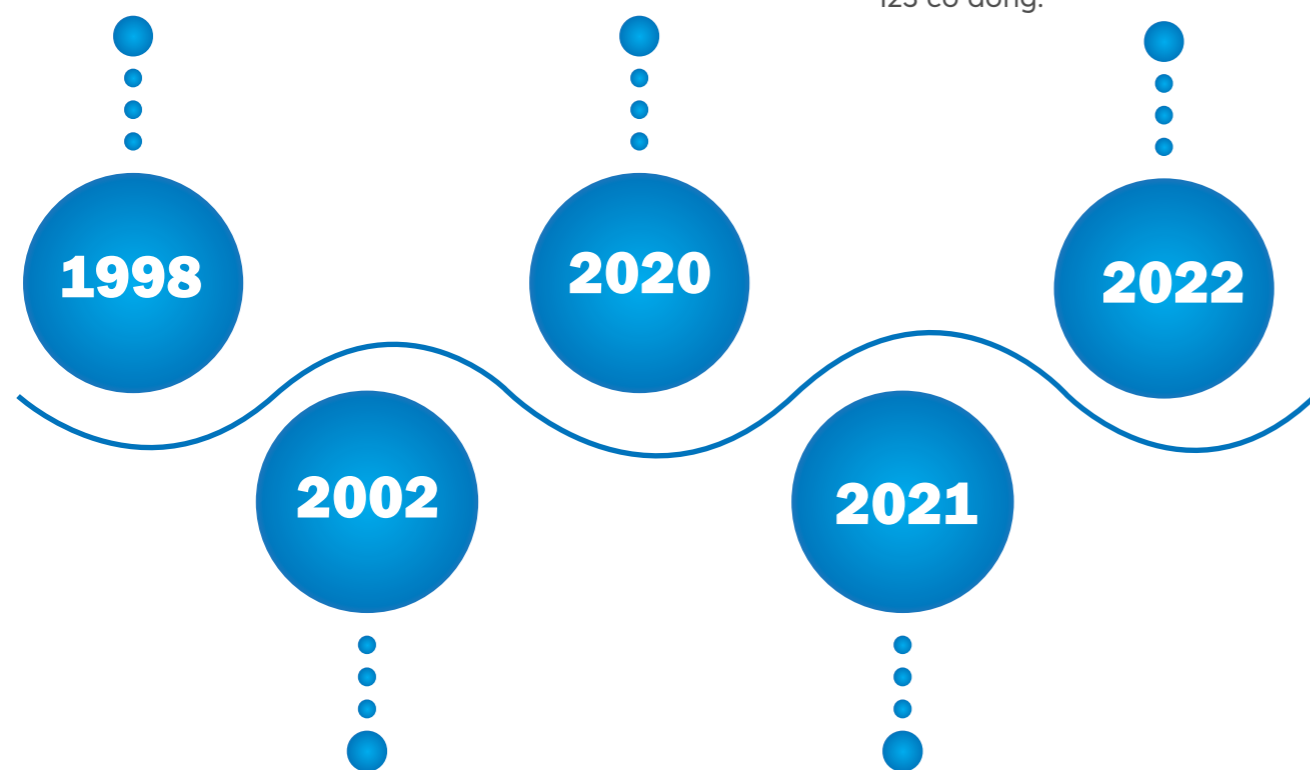
Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ Phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung tiền thân là Chi nhánh Công ty Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương thành phố Hồ Chí Minh tại Đà Nẵng.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cấp Giấy chứng khoán số 82/2020/GCNCP-VSD do VSD cấp với mức vốn điều lệ tại thời điểm cấp là 15.750.000.000 đồng.

Ngày 11/01/2022, Công ty đã được VSD cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán điều chỉnh số 82/2020/GCNCP-VSD-I với mức vốn điều lệ tại thời điểm cấp là 31.500.000.000 đồng.

Ngày 06/10/2022, Công ty chính thức trở thành công ty đại chúng theo công văn số 6697/UBCK-GSDC của UBCKNN ký ngày 06/10/2022. Theo đó, tại thời điểm chính thức là công ty đại chúng, vốn điều lệ của Công ty là 31.500.000.000 đồng với 123 cổ đông.



Bộ Thương mại đã có Quyết định số 776/2002/BTM ngày 03/7/2002 chuyển Chi nhánh Công ty Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương thành phố Hồ Chí Minh tại Đà Nẵng thành Công ty cổ Phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400426836 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 12/8/2002 với số vốn điều lệ ban đầu là 3.000.000.000 đồng.

Công ty đã tổ chức lễ khánh thành và đưa vào hoạt động Trung tâm logistics Vinatrans Danang tại Khu công nghiệp Hòa Cẩm, Cẩm Lệ. Theo đó, Trung tâm Logistics Vinatrans Danang là một trong những Trung tâm Logistics hàng đầu tại khu vực các tỉnh miền Trung Việt Nam.



Ngành nghề và địa bàn kinh doanh



Địa bàn kinh doanh

Công ty đặt trụ sở chính tại 184 Trần Phú, phường Phước Ninh, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Công ty có chi nhánh tại 109 – 111 đường Lê Đức Thọ, phường Hải Cảng, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam.

Công ty có hai văn phòng đại diện đặt tại Lô B8-2 KQH Xuân Phú, TP Huế, Thừa Thiên Huế và 52/10 Giải Phóng, phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, Vinatrans Danang đã đầu tư và sở hữu 01 kho chứa hàng (Kho Hòa Cường) với tổng diện tích hơn 1.509 m² tại Đà Nẵng để cho các đối tác của Công ty thuê và 01 Trung tâm Logistics Vinatrans Danang có tổng diện tích mặt bằng là 10.076 m² với sức chứa 13.500 pallets, tương đương 8.500 tấn hàng.

Trong quá trình phát triển, Công ty đã mở rộng quy mô với các chi nhánh và các văn phòng đại diện ở các tỉnh và các thành phố lớn, có hệ thống đại lý giao nhận trên khắp các châu lục trên thế giới.

Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính của Công ty:

- » Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- » Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải
- » Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy
- » Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
- » Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê



Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị

Bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình Công ty cổ phần, bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc.

Bộ máy quản lý của Công ty nhanh nhạy trong tổ chức, chặt chẽ trong quản lý, giám sát, các bộ phận có sự phối hợp nhịp nhàng cùng nhau xây dựng doanh nghiệp phát triển bền vững.

» Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, có toàn quyền quyết định mọi hoạt động của Công ty. ĐHĐCĐ có trách nhiệm bầu, bãi nhiệm Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và các chức vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

» Hội đồng quản trị:

Hội đồng Quản trị là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty do ĐHĐCĐ bầu ra với nhiệm kỳ là 05 năm và có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty ngoại trừ phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

» Ban Kiểm soát:

Ban Kiểm soát là tổ chức giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty. Ban Kiểm soát có nhiệm kỳ là 05 năm do ĐHĐCĐ bầu ra.

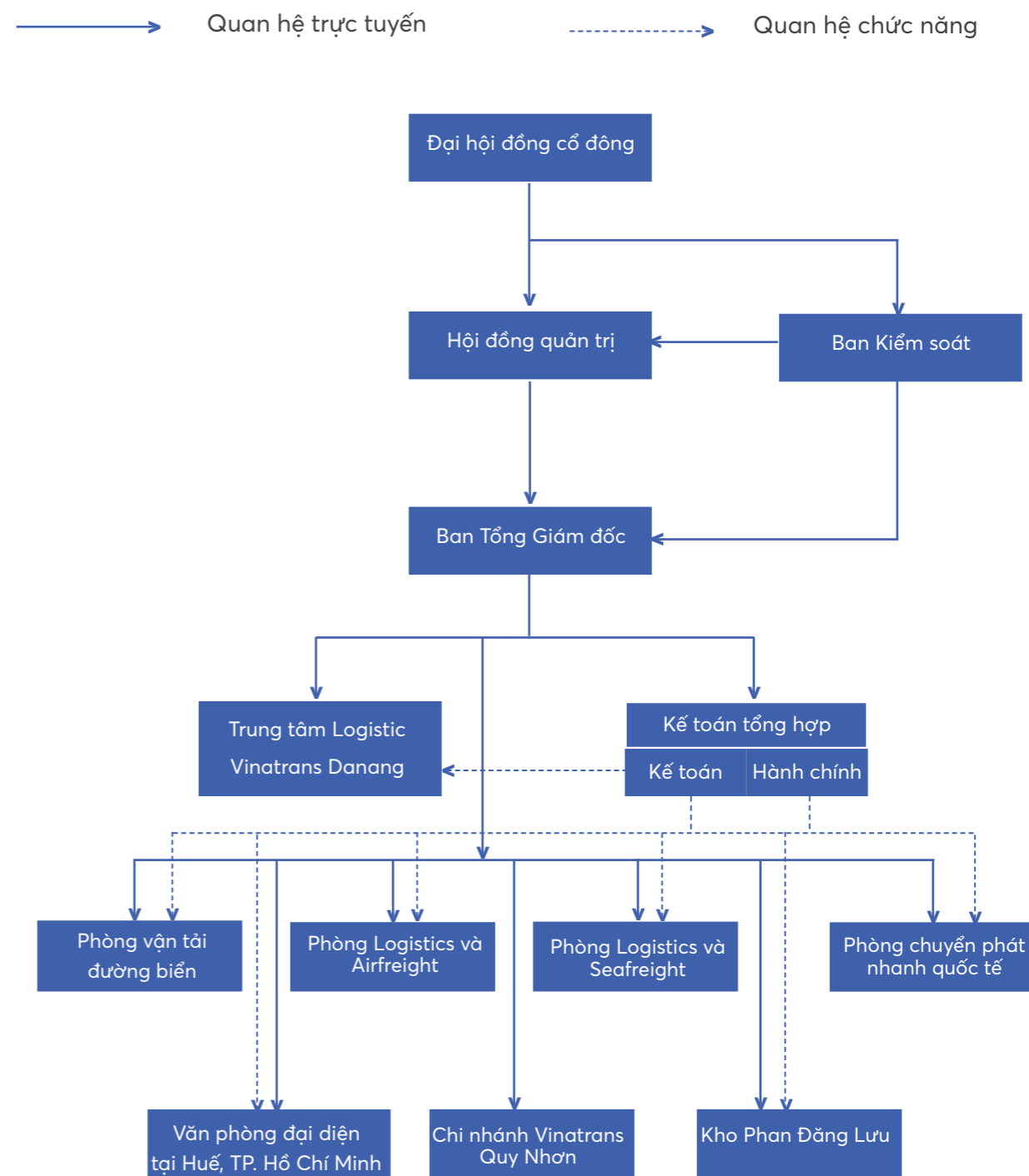
» Ban Tổng Giám đốc:

Ban Tổng Giám đốc bao gồm 01 Tổng Giám đốc và 01 Phó Tổng Giám đốc:

Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những chiến lược, kế hoạch đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua. Quyền và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc được quy định cụ thể tại Điều lệ Công ty. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm báo cáo tình hình kinh doanh của Công ty trước Hội đồng quản trị.

Phó Tổng Giám đốc giúp Tổng Giám đốc Công ty theo sự phân công và ủy quyền của Tổng Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được Tổng Giám đốc phân công hoặc ủy quyền. Đồng thời, trực tiếp chỉ đạo các hoạt động của từng phòng ban trong toàn Công ty.

Cơ cấu bộ máy quản lý



Công ty con, Công ty liên kết

Không

Định hướng phát triển



Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- » Tăng cường công tác quản lý, điều hành lãnh đạo toàn diện Công ty, tiếp tục củng cố, xây dựng đào tạo đội ngũ CBNV có trình độ ngoại ngữ, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu công việc; không ngừng nâng cao uy tín, chất lượng và làm việc có hiệu quả, đảm bảo tốc độ tăng trưởng trong kinh doanh.
- » Làm tốt các công việc và tiếp tục giữ vững mối quan hệ với các đối tác hiện có. Tăng cường công tác sales, marketing, mở rộng phát triển thị trường tìm kiếm, tạo mối quan hệ tốt với các Forwarders tại TP.HCM, Hà Nội và Hải Phòng để có thêm cơ hội phát triển công việc.
- » Tích cực khai thác và phát triển loại hình dịch vụ Logistics.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Để giữ vững và mở rộng thị phần trên thị trường trong môi trường cạnh tranh gay gắt như hiện nay, Công ty xác định lấy chất lượng dịch vụ làm tiêu chí cạnh tranh hàng đầu; đồng thời không ngừng cải tiến dịch vụ khai thác và chăm sóc khách hàng, nhằm tạo ra nguồn thu ổn định, bền vững cho Công ty tránh phụ thuộc quá nhiều vào các đối tác truyền thống.

Nghiên cứu điểm mạnh, điểm yếu và thị phần của đối thủ cạnh tranh để xây dựng các chiến lược kinh doanh phù hợp cho Công ty. Xúc tiến việc thiết lập, mở rộng, củng cố và tăng cường mối quan hệ một thiết và chăm sóc khách hàng. Tận dụng tốt các điều kiện thuận lợi sẵn có để phát triển, tìm kiếm các khách hàng có sản lượng lớn và giá tốt.

Xây dựng thị trường vững mạnh, tạo lập uy tín với khách hàng và các nhà cung cấp, tập trung phục vụ những khách hàng tiềm năng, thanh toán tốt, có lượng hàng ổn định; đổi mới thiết bị công nghệ, xây dựng và phát triển nguồn nhân lực bền vững.

Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

Trong quá trình phát triển hoạt động kinh doanh, Công ty luôn thể hiện sự cam kết của mình với mục tiêu phát triển bền vững và góp phần vào sự phát triển của xã hội. Đội ngũ cán bộ nhân viên luôn nêu cao tinh thần bảo vệ môi trường, tích cực tham gia các chương trình, hoạt động vì cộng đồng. Ban lãnh đạo Công ty chú trọng xây dựng các hoạt động tập thể nhằm tăng cường tinh thần đoàn kết, củng cố niềm tin khách hàng và thu hút nhân tài. Phát triển kinh doanh bền vững là mục tiêu mà Công ty luôn hướng đến.



Các rủi ro kinh tế

Rủi ro kinh tế

Trong năm 2022, thương mại thế giới lại đang phải đối mặt với nhiều rào cản và thách thức. Theo quỹ Tiền tệ Quốc tế IMF, năm 2022, kinh tế thế giới chỉ tăng trưởng ở mức 3,2% trong khi năm 2021 ghi nhận mức tăng trưởng là 6%. Mặc dù năm qua vốn được kỳ vọng là năm phục hồi mạnh mẽ của kinh tế thế giới trong bối cảnh đại dịch Covid-19 về cơ bản đã được kiểm soát. Tuy nhiên, số liệu tăng trưởng lại ghi nhận mức tăng trưởng thấp, qua đó cũng thấy được phần nào khó khăn đối với nền kinh tế thế giới trong 2022. Tình hình lạm phát tăng cao, chính sách tiền tệ thắt chặt được áp dụng tại nhiều quốc gia đã khiến tình hình kinh tế trở nên khó khăn vào giai đoạn nửa sau của năm 2022. Điều này đã tác động rất lớn đến thương mại toàn cầu nói chung và ngành logistics nói riêng.

Bên cạnh đó, sự bất ổn chính trị thế giới trong năm vừa qua với xung đột chính trị - kinh tế giữa Nga và Ukraine đã gây ra những gián đoạn đáng kể trong chuỗi cung ứng, ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động của các doanh nghiệp ngành logistics và các hãng vận tải. Chính sách đóng cửa Zero-Covid của Chính phủ Trung Quốc cũng đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến hoạt động xuất nhập khẩu khi Trung Quốc là một trong những quốc gia đóng vai trò quan trọng trong quy trình cung ứng toàn cầu với mạng lưới vận tải đường biển, đường hàng không lớn.

Về tổng thể, rạn nứt địa chính trị cùng với lạm phát kéo dài, cầu tiêu thụ toàn cầu giảm sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến thương mại thế giới trong năm 2023. Do vậy, mặc dù về dài hạn, thị trường dịch vụ giao nhận Việt Nam có những tiềm năng phát triển mạnh mẽ. Tuy nhiên, Công ty luôn ý thức được việc cần trọng và đề ra các kế hoạch để đối phó với những rủi ro và thách thức mà nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đang chịu ảnh hưởng. Bên cạnh đó, Công ty luôn cố gắng nâng cao chất lượng dịch vụ và cải thiện cơ sở hạ tầng, tăng cường tham gia vào những hợp tác đa phương để giảm thiểu tác động của các yếu tố vĩ mô đối với hoạt động kinh doanh của mình.

Rủi ro pháp luật

Hiện tại, Công ty hoạt động dưới hình thức là công ty đại chúng và chính thức giao dịch cổ phiếu trên sàn giao dịch UPCOM và là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực giao nhận vận tải, Công ty phải tuân thủ các quy định pháp luật liên quan đến Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Bộ luật Hàng Hải Việt Nam, Luật Hàng không Dân dụng, Luật Giao thông đường bộ, đường thủy, đường sắt và các quy định về thủ tục hải quan.

Hoạt động kinh doanh của dịch vụ Logistics liên quan mật thiết đến các hoạt động kinh tế xã hội khác như xuất nhập khẩu và sản xuất hàng hóa. Do vậy, những thay đổi trong chính sách xuất nhập khẩu và thông quan hàng hóa đều có ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động của Công ty. Vì vậy, Công ty luôn theo dõi những thay đổi cập nhật trong các quy định, chính sách để kịp thời điều chỉnh hoạt động kinh doanh phù hợp.

Rủi ro cạnh tranh

Việt Nam luôn được các tổ chức quốc tế đánh giá là nằm trong khu vực phát triển năng động của thế giới, nơi luồng hàng tập trung giao lưu mạnh, cùng với nền kinh tế có độ mở lớn. Xuất nhập khẩu và thương mại điện tử của Việt Nam luôn tăng trưởng ở mức hai con số, là một thị trường có nhiều tiềm năng để phát triển dịch vụ logistics. Tuy nhiên, phần lớn các doanh nghiệp logistic nội địa có quy mô vừa và nhỏ, chi phí cao. Trong bối cảnh hội nhập toàn cầu, cơ hội từ các hiệp định thương mại tự do, các doanh nghiệp vốn nước ngoài có lợi thế về quy mô, trình độ công nghệ, lực lượng nhân sự giàu kinh nghiệm đang là thách thức lớn đối với các doanh nghiệp Việt Nam.

Hơn nữa, thị trường dịch vụ Logistics Việt Nam đang là thị trường tăng trưởng hấp dẫn, tuy nhiên vẫn có những rủi ro tiềm ẩn nhất định như tình trạng tập trung độc quyền cung cấp dịch vụ logistics tại một số lĩnh vực ngành hàng hoặc việc khó tiếp cận trực tiếp với các doanh nghiệp FDI. Điều này làm cho việc hợp tác và cạnh tranh với các doanh nghiệp FDI trở nên khó khăn hơn đối với các doanh nghiệp Việt Nam trong lĩnh vực logistics.

Do vậy, Công ty luôn không ngừng nâng cấp, mở rộng quy mô hoạt động, áp dụng công nghệ vào quy trình vận hành, tăng cường quan hệ với các đối tác lớn cũng như nâng cao trình chuyên môn của đội ngũ nhân viên để gia tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường



Các rủi ro kinh tế (tiếp theo)

Rủi ro vận tải và quản lý kho vận

Hoạt động giao nhận vận tải cũng phát sinh một số rủi ro như hỏng, tai nạn đối với phương tiện đang làm việc, không vận chuyển theo đúng thông số kỹ thuật của sản phẩm, lắp đặt không chính xác... gây nhiều thiệt hại cũng như tiến độ thực hiện công việc của Công ty. Bên cạnh đó, Trung tâm Logistics Vinatrans Da-nang có tổng diện tích 10.076 m² với sức chứa 13.500 Pallets, tương đương 8.500 tấn hàng với đầy đủ kho mát, kho lạnh, 12 cửa nhập và xuất hàng, bãi xe tải... đã đi vào hoạt động từ tháng 12/2021 giúp mảng kho bãi của Công ty được mở rộng. Việc đẩy mạnh đầu tư vào mảng kho bãi như vậy đòi hỏi Công ty cần phải có quy trình vận hành và quản lý kho bãi rõ ràng. Các rủi ro liên quan đến vấn đề bảo quản sản phẩm an ninh hệ thống kho, sai sót trong sắp xếp lựa chọn vị trí kho, giá kệ không đúng với đặc tính sản phẩm... sẽ ảnh hưởng lớn đến tính hiệu quả trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

Do đó, công ty luôn chú trọng xây dựng các kế hoạch sử dụng và kiểm soát chi phí hiệu quả để tối ưu được lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh.



Rủi ro tỷ giá

Hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng từ những biến động trong thị trường tài chính trong và ngoài nước như sự biến động lãi suất và tỷ giá, chủ yếu là sự biến động tỷ giá USD/VND. Trong bối cảnh lạm phát cao tại Mỹ, FED đã thực hiện điều chỉnh mức lãi suất 7 lần trong năm 2022, đưa lãi suất lên mức cao nhất kể từ năm 2007 4,25% - 4,5%. Chính sách của FED khiến tỷ giá USD/VND tăng làm tăng chi phí vận tải cũng như giảm nhu cầu của khách hàng sử dụng dịch vụ giao nhận logistics quốc tế. Điều này có thể dẫn đến sự suy giảm về doanh số kinh doanh của Công ty. Do đó, Công ty có những biện pháp tăng cường quản lý để giảm thiểu rủi ro tỷ giá, cũng như nâng cao chất lượng dịch vụ và tối ưu hoạt động để cắt giảm chi phí và tăng tính hiệu quả.

Rủi ro nguồn nhân lực

Với sự phát triển của công nghệ và các dịch vụ logistics ngày càng phức tạp, nguồn nhân lực trong ngành càng trở nên quan trọng hơn bao giờ hết. Trong khi nhu cầu về nhân lực trong ngành logistics tăng cao thì nguồn nhân lực chất lượng cao lại còn hạn chế. Nhiều công ty phải đối mặt với khó khăn trong việc tuyển dụng nhân viên có trình độ chuyên môn cao, có kỹ năng và kinh nghiệm trong ngành. Vì vậy, công ty tập trung vào việc xây dựng một kế hoạch đào tạo chuyên nghiệp, thu hút nhân lực chất lượng cao, nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng cho nhân viên để đáp ứng nhu cầu phát triển của ngành.

Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro kể trên, hoạt động kinh doanh của Công ty còn bị ảnh hưởng bởi các rủi ro bất khả kháng khác như dịch bệnh, cháy nổ, thiên tai... đại dịch Covid-19 là một ví dụ điển hình. Những rủi ro này tuy rất hiếm xảy ra nhưng một khi đã xảy ra sẽ gây hậu quả nặng nề và cần thời gian dài để khắc phục. Vì vậy, Công ty luôn nêu cao tinh thần ý thức tự giác, chủ động, trách nhiệm cho tập thể nhân viên để hạn chế tối đa các khả năng xảy ra các rủi ro ngoài ý muốn.



02 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn chủ sở hữu

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

02

Tình hình hoạt động trong năm

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2021	2022	%2022/2021
1	Doanh thu thuần	67.990,82	71.157,50	104,66%
2	Giá vốn hàng bán	(62.425,05)	(67.767,72)	-
3	Lợi nhuận từ HĐKD	9.697,59	1.472,93	15,19%
4	Lợi nhuận khác	427,46	29,65	6,94%
5	Lợi nhuận trước thuế	10.125,05	1.502,58	14,84%
6	Lợi nhuận sau thuế	8.110,60	1.215,22	14,98%

Kết thúc năm tài chính, doanh thu thuần ghi nhận mức 71.157,50 triệu đồng, tăng 4,66% so với năm trước. Tuy nhiên, lợi nhuận từ HĐKD cũng như lợi nhuận trước và sau thuế ghi nhận mức giảm đáng kể, nguyên nhân chủ yếu là do:

- » Giá vốn hàng bán tăng mạnh hơn doanh thu: Giá vốn hàng bán ghi nhận mức tăng 8,56%, tương ứng tăng từ 62.425,05 triệu đồng năm 2021 lên 67.767,72 triệu đồng năm nay. Việc gia tăng giá vốn hàng bán năm nay đến từ việc mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh sang mảng cho thuê kho bãi. Qua đó, việc chính thức đưa Trung tâm Logistics Vinatrans Danang vào hoạt động dẫn đến sự gia tăng chi phí đáng kể. Cụ thể, giá vốn cho thuê kho bãi tăng từ 1.738,17 triệu đồng năm 2021 lên đến 13.535,98 triệu đồng năm nay.
- » Bên cạnh đó, trong năm Công ty phải thực hiện chi trả chi phí lãi vay với giá trị 5.547,67 triệu đồng. Việc phát sinh chi phí lãi vay đáng kể là do khoản vay của Công ty để đầu tư, mở rộng Trung tâm Logistics Vinatrans Danang. Trung tâm Logistics Vinatrans Danang có tổng diện tích 10.076 m² với sức chứa 13.500 Pallets, tương đương 8.500 tấn hàng (hoạt động từ tháng 04/2022).
- » Ngoài ra, các chi phí khác liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty cũng có xu hướng tăng bởi sự biến động của giá xăng, dầu, chi phí vận tải... khiến lợi nhuận của Công ty cũng bị ảnh hưởng đáng kể.

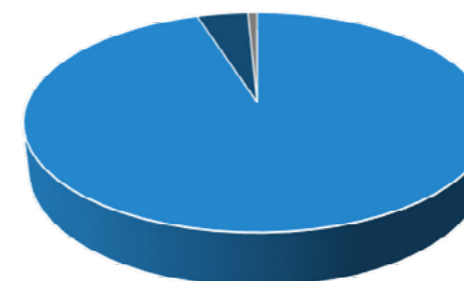
Do đó, năm nay, Công ty ghi nhận mức lợi nhuận trước thuế chỉ đạt 1.502,58 triệu đồng, tương đương 14,84% so với năm 2021.

Cơ cấu doanh thu thuần

Đơn vị: Triệu đồng

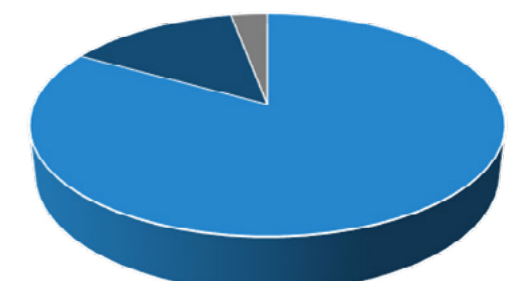
Chỉ tiêu	2021		2022		%2022/2021
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Dịch vụ vận tải	64.615,98	95,04%	59.154,02	83,13%	91,55%
Thuê kho bãi	2.860,12	4,21%	9.896,13	13,91%	346,01%
Thuê văn phòng	514,73	0,76%	2.107,35	2,96%	409,41%
Tổng cộng	67.990,82	100,00%	71.157,50	100,00%	104,66%

CƠ CẤU DOANH THU NĂM 2021



■ Dịch vụ vận tải ■ Thuê kho bãi ■ Thuê văn phòng

CƠ CẤU DOANH THU NĂM 2022



■ Dịch vụ vận tải ■ Thuê kho bãi ■ Thuê văn phòng

Cơ cấu giá vốn hàng bán

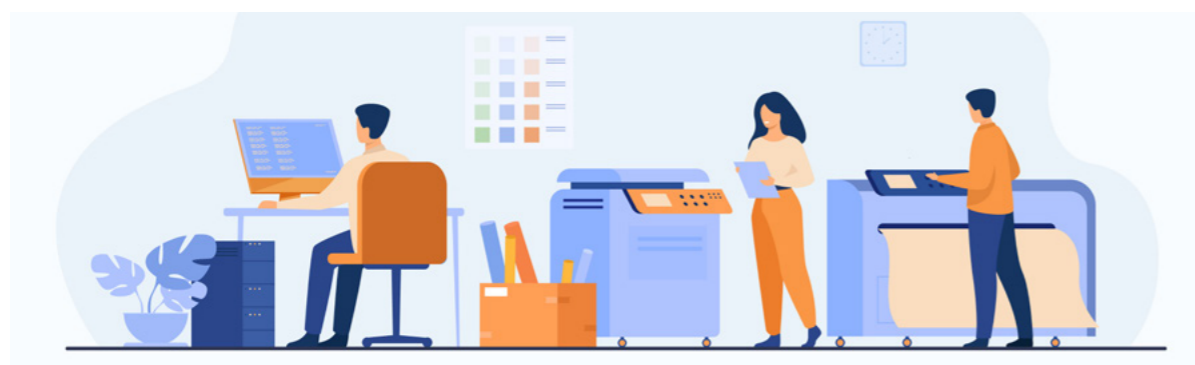
Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2021		2022		%2022/2021
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Dịch vụ vận tải	60.686,88	97,22%	54.215,80	80,00%	89,34%
Thuê kho bãi	1.738,16	2,78%	13.535,98	19,97%	778,75%
Thuê văn phòng	0	0,00%	15,94	0,02%	-
Tổng cộng	62.425,05	100,00%	67.767,72	100,00%	108,56%

Tổ chức và nhân sự

Danh sách Ban điều hành

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Tấn Mẫn	Tổng Giám đốc	-	-
2	Hồ Văn Tú	Phó Tổng Giám đốc	8.000	0,25%
3	Đặng Thị Lành	Kế toán trưởng	16.180	0,51%



Lý lịch Ban điều hành

Ông Nguyễn Tấn Mẫn – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Ngày tháng năm sinh:	04/08/1972
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Đại học
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:	Giám đốc Chi nhánh Transimex tại Đà Nẵng
Số CP nắm giữ:	0 cổ phiếu, chiếm 0,00% vốn điều lệ

Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi công tác</i>
1993 – 02/2023	Công tác tại Chi nhánh CTCP Transimex tại Đà Nẵng
2019 – đến nay	Thành viên HĐQT kiêm TGD Công tác tại CTCP Giao Nhận Vận Tải Miền Trung

Ông Hồ Văn Tú – Phó Tổng Giám đốc

Ngày tháng năm sinh:	22/12/1972
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Đại học
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:	Không có
Số CP nắm giữ:	8.000 cổ phiếu, chiếm 0,25% vốn điều lệ

Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi công tác</i>
2000 – đến nay	Công tác tại CTCP Giao nhận vận tải miền Trung

Bà Đặng Thị Lành – Kế toán trưởng

Ngày tháng năm sinh:	15/10/1968
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:	Không có
Số CP nắm giữ:	16.180 cổ phiếu, chiếm 0,51% vốn điều lệ

Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi công tác</i>
1992 – đến nay	Công tác tại CTCP Giao Nhận Vận Tải Miền Trung

Danh sách thay đổi Ban điều hành trong năm

Không

Số lượng cán bộ, nhân viên

Tính tại thời điểm 31.12.2022

STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Số lượng CP sở hữu
A	Theo trình độ	51	100%
1	Đại học, trên Đại học	26	50,98%
2	Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp	17	33,33%
3	Công nhân kỹ thuật, lao động phổ thông	8	15,69%
B	Theo đối tượng lao động	51	100,00%
1	Lao động trực tiếp	39	76,47%
2	Lao động gián tiếp	12	23,53%
C	Theo giới tính	51	100,00%
1	Nam	33	64,71%
2	Nữ	18	35,29%

Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Tổng số lượng người lao động (người)	43	41	51
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	7.600.000	8.400.000	9.300.000

Chính sách nhân sự



Về đào tạo:

Công ty đặc biệt quan tâm đến công tác đào tạo và tự đào tạo cho nhân viên cũng như bộ phận quản lý và văn phòng. Đối với cán bộ quản lý và văn phòng, Công ty cam kết tài trợ toàn bộ chi phí đào tạo nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu công việc. Công ty thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo và tập huấn về quản lý và kiểm soát chất lượng, theo các tiêu chuẩn được áp dụng tại Công ty.



Về tuyển dụng:

Công ty rất chú trọng phát triển nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao. Công ty chú trọng phát triển các chính sách tuyển dụng, đào tạo và phát triển nhân lực chuyên nghiệp, với sự tập trung đặc biệt vào việc phát triển nguồn nhân lực có trình độ cao. Công ty áp dụng quy chế tuyển dụng cụ thể cho từng bộ phận hoặc phòng ban tùy theo yêu cầu công việc. Tiêu chí tuyển dụng của Công ty là ưu tiên các ứng viên có trình độ chuyên môn cao, nhiều kinh nghiệm và tốt nghiệp từ các trường đại học trong và ngoài nước.



Môi trường công việc

Công ty tạo ra môi trường làm việc đoàn kết, thân thiện và hỗ trợ lẫn nhau giữa các thành viên trong nhóm làm việc cũng như trong tập thể chung. Công ty cũng đầu tư vào việc trang bị đầy đủ tiện nghi và trang thiết bị cần thiết để tạo ra một môi trường làm việc thuận tiện và hiệu quả. Các phòng làm việc được bố trí khoa học, đảm bảo sự riêng tư và thoải mái cho nhân viên.



Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Nhận thức về vai trò của con người trong thành công của doanh nghiệp là yếu tố cốt lõi. Vì vậy, để giữ chân những nhân viên có trình độ chuyên môn cao và nhiều kinh nghiệm trong ngành, chính sách đãi ngộ đóng vai trò quan trọng, đặc biệt là chính sách tiền lương phải hấp dẫn. Công ty cam kết đảm bảo tính công bằng và hợp lý trong việc trả lương và thưởng, áp dụng quy chế trả lương và thưởng theo từng cấp bậc công việc của nhân viên. Hàng năm, Công ty tiến hành đánh giá, bình bầu thi đua xếp loại lao động và có chế độ khen thưởng theo hình thức lương tháng 13. Ngoài ra, còn có chính sách khen thưởng cá nhân có thành tích xuất sắc từ nguồn quỹ khen thưởng của Công ty được trích từ lợi nhuận.



Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Công ty con, Công ty liên kết

Không

Các khoản đầu tư lớn trong năm

Dự án **Trung tâm Logistics Vinatrans Đà Nẵng**, được Ban Quản lý Khu Công Nghệ Cao Đà Nẵng cấp giấy chứng nhận đầu tư mã số dự án: 3731125218 ngày 27.1.2022 (điều chỉnh lần 2) với:

- » Tổng vốn đầu tư: 145.000.000.000 (Một trăm bốn mươi năm tỷ đồng)
- » Tổng diện tích sử dụng: 10.076m²
- » Công suất chứa hàng tối đa: 8500 tấn
- » Mục tiêu hoạt động: Hệ thống kho lạnh, kho mát chứa các sản phẩm, thực phẩm đông lạnh, trái cây...và là trung tâm phân phối hàng thực phẩm đông lạnh và mát...
- » Chính thức đi vào hoạt động từ tháng 04.2022

TRUNG TÂM LOGISTICS VINATRANS ĐÀ NẴNG

ĐỊA CHỈ: LÔ C, ĐƯỜNG SỐ 5, KCN HOA CẨM, Q. CẨM LỆ, TP. ĐÀ NẴNG
ĐT: 023.63675929
FAX: 023.63821310



Tình hình tài chính

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% 2022/2021
1	Tổng giá trị tài sản	130.956,71	179.152,79	136,80%
2	Doanh thu thuần	67.990,82	71.157,50	104,66%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	9.697,59	1.472,93	15,19%
4	Lợi nhuận khác	427,46	29,65	6,94%
5	Lợi nhuận trước thuế	10.125,05	1.502,58	14,84%
6	Lợi nhuận sau thuế	8.110,60	1.215,22	14,98%

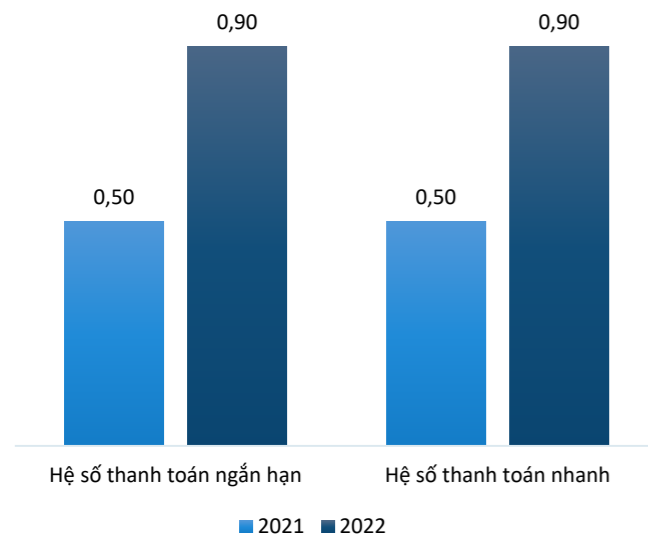
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,5	0,9
Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,5	0,9
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	55,67	67,35
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	125,60	206,27
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	-	-
Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	Vòng	0,79	0,46
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	11,93	1,71
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	17,29	2,09
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	9,40	0,78
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	14,26	2,07



Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (tiếp theo)

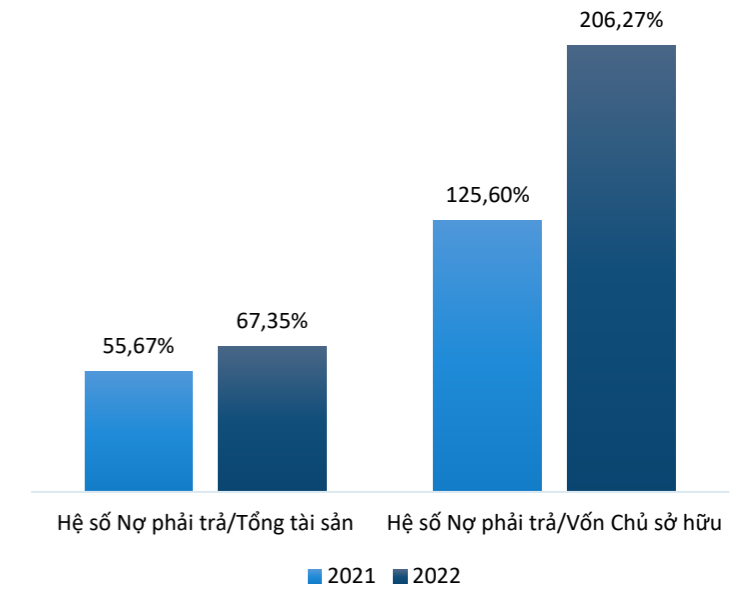
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán



Năm 2022, các chỉ tiêu về cơ cấu vốn của Công ty thay đổi đáng kể. Hệ số Nợ phải trả/Tổng tài sản tăng từ 55,67% năm trước lên 67,35% cuối năm nay, Hệ số Nợ phải trả/Vốn Chủ sở hữu cũng tăng mạnh từ mức 125,60% đầu kỳ lên hơn 206,27% cuối kỳ. Trong năm, Vốn chủ sở hữu của Công ty gần như không thay đổi đáng kể, ghi nhận tại ngày 31/12/2022 là 58.495,23 triệu đồng. Nguyên nhân tác động chính tới thay đổi cơ cấu vốn của Công ty đến từ việc gia tăng Nợ phải trả. Mặc dù Nợ ngắn hạn giảm hơn 21,22%, xuống còn 40.191,28 triệu đồng cuối kỳ. Tuy nhiên, Nợ dài hạn lại tăng mạnh,

từ 21.890,00 triệu đồng cuối năm 2021 lên đến 80.466,28 triệu đồng cuối năm nay, tương ứng tăng hơn 267,59%. Trong năm, Công ty có phát sinh khoản vay dài hạn với ngân hàng Shinhan. Khoản vay có giá trị hơn 58.576,28 triệu đồng với kỳ hạn 7 năm nhằm bổ sung nguồn vốn cho hoạt động đầu tư xây dựng Trung tâm Logistics Vinatrans Danang.

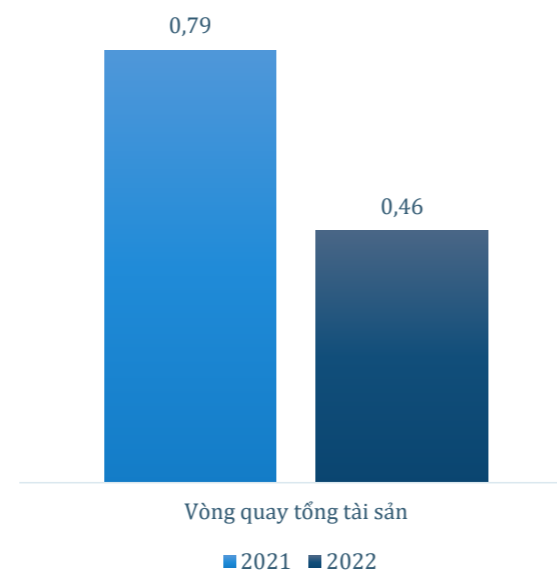
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn



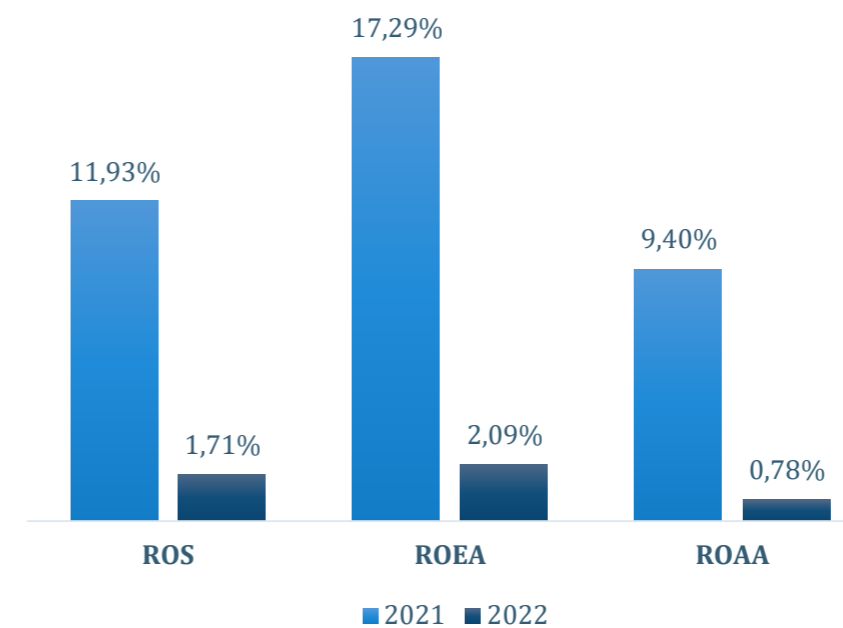
Năm 2022, các chỉ tiêu về cơ cấu vốn của Công ty thay đổi đáng kể. Hệ số Nợ phải trả/Tổng tài sản tăng từ 55,67% năm trước lên 67,35% cuối năm nay, Hệ số Nợ phải trả/Vốn Chủ sở hữu cũng tăng mạnh từ mức 125,60% đầu kỳ lên hơn 206,27% cuối kỳ. Trong năm, Vốn chủ sở hữu của Công ty gần như không thay đổi đáng kể, ghi nhận tại ngày 31/12/2022 là 58.495,23 triệu đồng. Nguyên nhân tác động chính tới thay đổi cơ cấu vốn của Công ty đến từ việc gia tăng Nợ phải trả. Mặc dù Nợ ngắn hạn giảm hơn 21,22%, xuống còn 40.191,28 triệu đồng cuối kỳ. Tuy nhiên, Nợ dài hạn lại tăng mạnh, từ 21.890,00 triệu đồng cuối năm 2021 lên đến 80.466,28 triệu đồng cuối năm nay, tương ứng tăng hơn 267,59%. Trong năm, Công ty có phát sinh khoản vay dài hạn với ngân hàng Shinhan. Khoản vay có giá trị hơn 58.576,28 triệu đồng với kỳ hạn 7 năm nhằm bổ sung nguồn vốn cho hoạt động đầu tư xây dựng Trung tâm Logistics Vinatrans Danang.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Vòng quay tổng tài sản trong năm ghi nhận giảm đáng kể, từ 0,79 vòng xuống còn 0,46 vòng. Nguyên nhân đến từ việc doanh thu thuần tăng trưởng không quá nhiều so với năm trước, trong khi tài sản Công ty năm qua tăng trưởng mạnh. Tổng tài sản Công ty vào cuối kỳ tăng hơn 36,80% so với đầu kỳ, tương ứng tăng từ 130.956,71 triệu đồng lên 179.152,79 triệu đồng. Đóng góp lớn nhất đến từ các khoản đầu tư máy móc, thiết bị được mua sắm mới trong năm 2022 để phục vụ cho Trung tâm Logistics Vinatrans Danang với giá trị đầu tư là 35.697,29 triệu đồng.



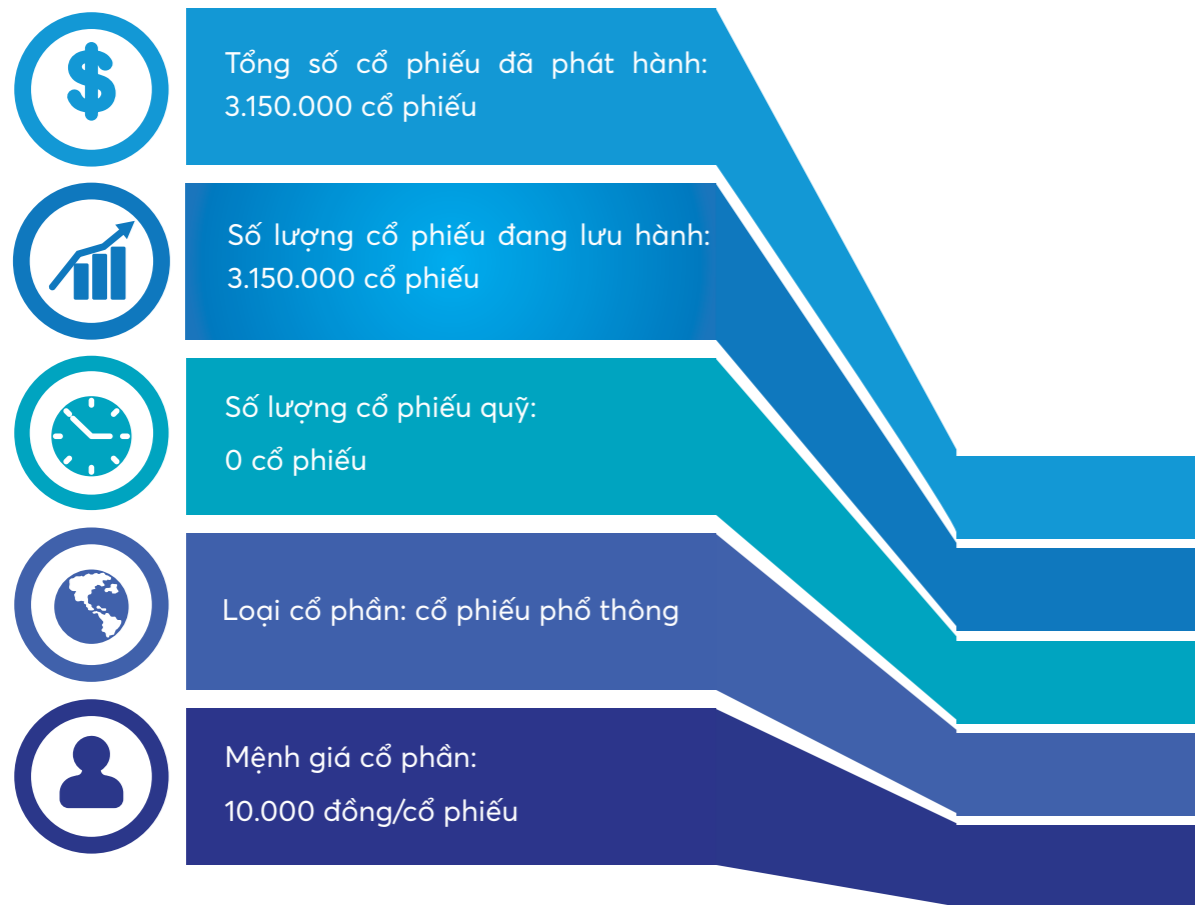
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời



So với năm 2021, các hệ số về khả năng sinh lời của Công ty trong năm 2022 giảm đáng kể, chủ yếu là do việc phát sinh các chi phí hoạt động và chi phí tài chính cao trong năm. Cụ thể, chi phí tài chính phát sinh trong năm Công ty ghi nhận giá trị 5.581,92 triệu đồng, trong đó hầu hết là chi phí lãi vay. Tuy vậy, hiệu quả kinh doanh của Công ty sẽ phục hồi trở lại vào các năm tiếp theo, khi hoạt động cho thuê kho bãi của Công ty đi vào ổn định.

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Căn cứ theo Danh sách chốt cổ đông gần nhất tại ngày 10/04/2023



STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông trong nước	128	3.150.000	100%
1	Cá nhân	122	375.940	11,93%
2	Tổ chức	6	2.774.060	88,07%
II	Cổ đông nước ngoài	-	-	-
1	Cá nhân	-	-	-
2	Tổ chức	-	-	-
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
TỔNG CỘNG		128	3.150.000	100%

Danh sách cổ đông lớn Căn cứ theo Danh sách chốt cổ đông gần nhất tại ngày 10/04/2023

STT	Đối tượng	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty cổ phần giao nhận kho vận ngoại thương Việt Nam	304.800	9,68%
2	Công ty cổ phần Logistics Vinalink	878.400	27,89%
3	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX	708.460	22,49%
4	Công ty cổ phần VINAFREIGHT	878.400	27,89%
TỔNG CỘNG		2.774.060	88,07%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài: 0%

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

Giao dịch chứng khoán khác: Không

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Thời điểm	SLCP phát hành	VĐL sau phát hành (ngàn đồng)	Phương thức phát hành	Pháp lý
08/2002			Vốn điều lệ theo GCN đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 12/08/2002: 3.000.000.000 đồng.	Quyết định số 776/2002/BTM ngày 03/7/2002 của Bộ Thương mại GCN ĐKDN lần đầu ngày 12/08/2002
04/2006	300.000	6.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày ngày 25/02/2006
05/2007	900.000	15.000.000	Chi cổ tức bằng cổ phiếu tương ứng phát hành 300.000 cổ phần. Phát hành thêm 564.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu Phát hành thêm 30.000 cổ phần cho cán bộ chủ chốt. Phát hành thêm 6.000 cổ phần cho Công ty Giao nhận Kho vận Ngoại thương Thành phố Hồ Chí Minh	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2007 ngày 02/03/2007 GCN ĐKDN lần thứ 5 ngày 09/05/2007
08/2016	75.000	15.750.000	Phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP của Công ty	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 ngày 01/04/2016 GCN ĐKDN lần thứ 9 ngày 30/08/2016
09/2021	1.575.000	31.500.000	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ	Nghị quyết HĐQT thông qua phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ năm 2021 ngày 27/07/2021 Nghị quyết HĐQT về kết quả phát hành cổ phiếu riêng lẻ năm 2021 ngày 08/09/2021 GCN ĐKDN lần thứ 14 ngày 22/09/2021



Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

Tác động lên môi trường:

Là đơn vị đại lý cung cấp dịch vụ giao nhận logistics quốc tế, hoạt động kinh doanh của Công ty ít tác động đến môi trường. Tuy nhiên với tinh thần và trách nhiệm chung, Ban lãnh đạo Công ty luôn tích cực tuyên truyền để nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu cho toàn thể cán bộ, nhân viên của công ty.

Đồng thời, trong các hoạt động cung cấp dịch vụ đóng gói, phân loại hàng hóa, lưu kho và cho thuê kho bãi, Công ty luôn nỗ lực để giảm thiểu những ảnh hưởng tiêu cực bằng cách sử dụng vật liệu đóng gói có thể tái chế và giảm thiểu rác thải và nhiên liệu trong quá trình vận hành

Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ, công ty sử dụng chủ yếu các nguồn nhiên liệu xăng dầu. Trong tình trạng giá xăng dầu tăng cao trong nước do ảnh hưởng từ thị trường năng lượng thế giới, Công ty luôn chủ động có kế hoạch sử dụng nguồn nhiên liệu tiết kiệm và hiệu quả, đảm bảo lợi nhuận cũng như góp phần bảo vệ môi trường.

Ngoài ra, các nguyên liệu nhỏ khác như giấy, bì carton, nhãn in mã vạch,... được sử dụng để vận chuyển và đóng gói hàng hóa và có thể tái chế để giảm thiểu rác thải ra môi trường.

Tiêu thụ năng lượng:

Tiết kiệm năng lượng là mục tiêu chung của nền kinh tế hiện đại. Công ty Vinatrans DaNang luôn ý thức việc sử dụng tiết kiệm điện trong quá trình vận hành và sử dụng văn phòng, kho bãi. Công ty đã áp dụng những giải pháp hiệu quả để tiết kiệm năng lượng, bao gồm sử dụng bóng đèn LED, thiết bị tiết kiệm điện, hệ thống điều khiển nhiệt độ thông minh và thiết kế hợp lý cho văn phòng và kho bãi. Bên cạnh đó, Công ty luôn quan tâm, nâng cao nhận thức cho nhân viên về việc tiết kiệm năng lượng để đảm bảo tất cả các hoạt động kinh doanh cũng như đạt được mục tiêu bền vững và bảo vệ môi trường. Vinatrans DaNang cam kết tiếp tục nỗ lực và phát triển các giải pháp tiết kiệm năng lượng trong tương lai.

Lượng điện Công ty đã tiêu thụ trong năm: 1.183.806 kWh

Tiêu thụ nước:

Công ty Vinatrans DaNang luôn quan tâm đến việc tiết kiệm nước trong quá trình hoạt động kinh doanh. Công ty đã triển khai nhiều giải pháp để giảm thiểu sự lãng phí và sử dụng nước một cách hiệu quả, bao gồm sử dụng hệ thống thu thập và tái sử dụng nước thải, thiết bị tiết kiệm nước. Công ty luôn cố gắng cải thiện và nâng cao nhận thức của tập thể nhân viên về việc sử dụng nước một cách bền vững và có trách nhiệm.

Lượng nước Công ty đã tiêu thụ trong năm: 6.375 m³

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Trong năm, Công ty đã tuân thủ tốt các quy định về môi trường nên không có hoạt động nào của Công ty bị xử phạt về vấn đề môi trường.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Công ty không chỉ tập trung vào mục tiêu tạo ra lợi nhuận mà còn cam kết với trách nhiệm và vai trò của mình trong xã hội và môi trường kinh doanh. Công ty luôn nêu cao tinh thần bảo vệ môi trường, tham gia tích cực các hoạt động vì cộng đồng tại địa phương. Qua các hoạt động tài trợ và hỗ trợ từ thiện, Công ty đã đóng góp phần nào vào việc giảm bớt khó khăn cho những người nghèo khó, trẻ em mồ côi và người già neo đơn tại địa phương. Đồng thời, Công ty cũng thường xuyên tổ chức các chương trình tuyển dụng và đào tạo cho người lao động tại địa phương, góp phần vào việc nâng cao trình độ chuyên môn và tạo điều kiện làm việc tốt hơn cho nhân viên. Tất cả những hoạt động này đều thể hiện sự cam kết của Công ty với mục tiêu phát triển bền vững và góp phần vào sự phát triển của xã hội và môi trường kinh doanh chung.

Chính sách liên quan đến người lao động:

Vinatrans DaNang luôn quan tâm đến lực lượng lao động là yếu tố tạo nên hiệu quả hoạt động cho Công ty. Công ty đầu tư vào việc đào tạo kỹ năng quản lý, kỹ năng mềm và kỹ năng chuyên môn cho đội ngũ cán bộ nhân viên.

Bên cạnh việc bảo đảm các chính sách theo Luật Lao động và thỏa ước lao động tập thể, hàng năm, Công ty còn tổ chức cho đại đa số công nhân, nhân viên đi tham quan nghỉ dưỡng, nhằm tạo môi trường sinh hoạt tập thể để người lao động gắn gũi nhau hơn, đem lại không khí đoàn kết để làm việc; tổ chức cho một số cán bộ kỹ thuật, cán bộ kinh tế và công nhân ưu tú đi tham quan học tập ở nước ngoài để mở mang kiến thức. Công ty và Công đoàn cơ sở thực hiện các chế độ trợ cấp khó khăn, thăm hỏi khi người lao động bị ốm đau, hiếu hỷ.

Công ty thực hiện trả đủ công, thưởng năng suất... giúp tạo ra động lực làm việc và tăng thu nhập cho nhân viên

Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Hiện tại Công ty chưa có hoạt động về thị trường vốn xanh. Tuy nhiên, Công ty luôn quan tâm theo dõi các thông tin về hoạt động này và sẽ tích cực tham gia khi có hướng dẫn cụ thể từ UBCKNN.



03 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

Kế hoạch phát triển

Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	TH2021	KH2022	TH2022	%TH2022/ TH2021	%TH2022/ KH2022
Doanh thu thuần	67.990,82	99.000,00	71.157,50	104,66%	71,88%
Lợi nhuận trước thuế	10.125,05	1.340,00	1.502,58	14,84%	112,13%
Lợi nhuận sau thuế	8.110,60	1.072,00	1.215,22	14,98%	113,36%

Kết thúc năm tài chính, Công ty ghi nhận mức doanh thu thuần đạt 71.157,50 triệu đồng, tăng 4,66% so với năm trước, tuy nhiên lại không hoàn thành kế hoạch trước đó khi chỉ đạt 71,88% so với kế hoạch mà ĐHĐCĐ đã đề ra trước đó. Nguyên nhân dẫn đến việc doanh thu chưa đạt kế hoạch là do ảnh hưởng từ tình hình kinh tế thế giới nên lượng hàng hóa bị giảm sút vào những giai đoạn cuối năm, dẫn đến doanh thu vận tải của Công ty bị sụt giảm so với kỳ vọng. Đồng thời, do ảnh hưởng bởi mùa vụ và mức tiêu thụ thấp nên lượng hàng hóa nhập và lưu trữ tại kho của Trung tâm Logistics Vinatrans Danang giảm, ảnh hưởng đến doanh thu mảng này.

Trong năm 2022, dựa trên cơ sở thận trọng trong phân tích môi trường và điều kiện kinh doanh, ĐHĐCĐ đã đề ra những mục tiêu kinh doanh phù hợp. Do vậy, dù lợi nhuận sau thuế của Công ty năm nay giảm đáng kể so với năm ngoái nhưng với định hướng của Ban Lãnh đạo, Công ty đã vượt mục tiêu đã đề ra khi lợi nhuận sau thuế ghi nhận giá trị 1.215 triệu đồng, đạt 113,36%.



Trong năm 2022, hoạt động của Công ty gặp phải những thuận lợi và khó khăn như sau



Vinatrans Danang là một công ty liên kết của các cổ đông lớn trong ngành logistics tại Việt Nam như CTCP Vinafreight, CTCP Logistics Vinalink và CTCP Transimex. Công ty có kinh nghiệm là đại lý vận chuyển đường bộ, đường thủy và đường hàng không cho nhiều đối tượng khách hàng khác nhau. Mặc dù trong tình hình cạnh tranh khốc liệt, nhưng Công ty vẫn đảm bảo được một phần nguồn hàng vận chuyển từ các hợp đồng của cổ đông chính, giúp Công ty duy trì doanh thu qua các năm.

Vinatrans Danang luôn được sự quan tâm và chỉ đạo sát sao từ Hội đồng quản trị và Ban điều hành của các công ty cũng như sự phối hợp hỗ trợ của các phòng Ban chuyên môn. Ban lãnh đạo luôn động viên đội ngũ cán bộ quản lý và điều hành, tạo điều kiện và hỗ trợ toàn diện. Đặc biệt, luôn có những chỉ đạo kịp thời giúp ban lãnh đạo Công ty giải quyết những vướng mắc khó khăn trong công tác quản lý và điều hành.

Tập thể cán bộ công nhân viên lao động Công ty đoàn kết thống nhất cùng nhau góp sức xây dựng đơn vị. Đội ngũ cán bộ quản lý và kỹ thuật trẻ, năng động, nhiệt tình, ham học hỏi và sáng tạo.

Về tài chính, Công ty đã tích cực trong việc rút ngắn thời gian đối chiếu sản lượng và thu hồi công nợ của khách hàng nhằm đảm bảo dòng tiền cho sản xuất kinh doanh



Thị trường dịch vụ logistics Việt Nam đang có xu hướng tăng trưởng, tuy nhiên vẫn tồn tại những rủi ro nhất định như sự tập trung độc quyền cung cấp dịch vụ logistics ở một số lĩnh vực ngành hàng cũng như việc tiếp cận trực tiếp với các doanh nghiệp FDI. Công ty đang chịu ảnh hưởng trực tiếp từ sự biến động của nền kinh tế trong nước và thế giới, dẫn đến giảm số lượng dịch vụ logistics lên đến 15-50%. Nguyên nhân chính là do xuất nhập khẩu từ thị trường Trung Quốc bị gián đoạn, làm giảm lượng hàng hóa cần vận chuyển, ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

Giá nhiên liệu là nhân tố chính trong chi phí dịch vụ logistics, chiếm khoảng 40% chi phí vận tải đường bộ. Trong bối cảnh giá năng lượng leo thang như hiện nay sẽ tác động tiêu cực đến lợi nhuận của Công ty.

Sự hạn chế về quy mô vốn điều lệ còn thấp so với các đối thủ trong ngành đã gây khó khăn cho Công ty trong việc tuyển dụng nguồn nhân lực chất lượng, phát triển ứng dụng công nghệ thông tin và tham gia đấu thầu các dự án vận chuyển hàng hóa của các đối tác

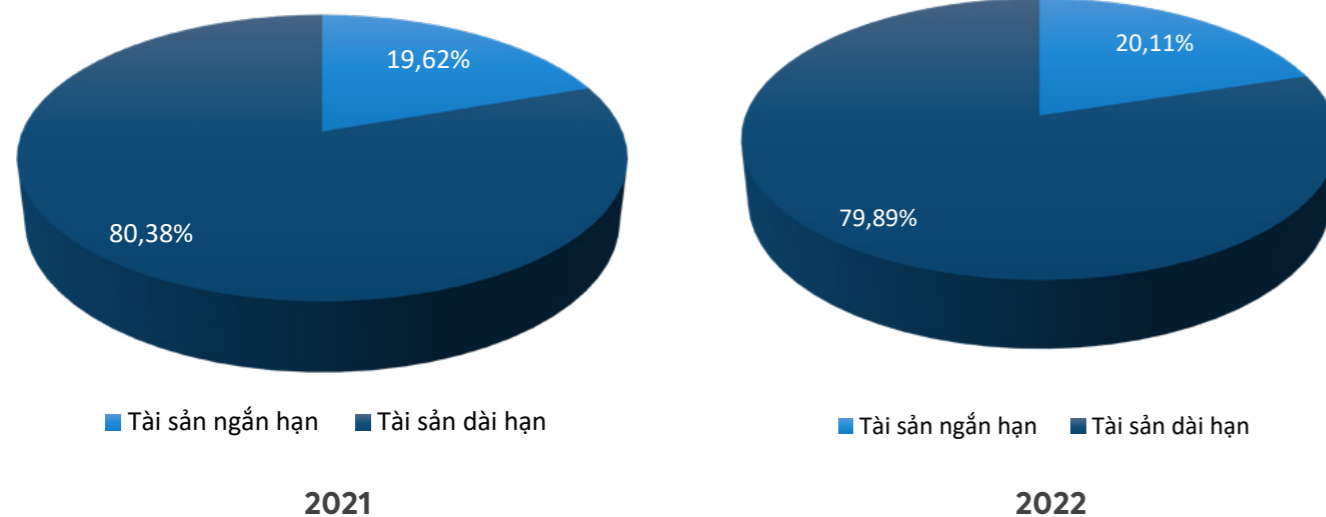
Tình hình tài chính

Tình hình tài sản

Đơn vị: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2021		31/12/2022		% 2022/2021
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tài sản ngắn hạn	25.700	19,62%	36.032	20,11%	140,20%
Tài sản dài hạn	105.257	80,38%	143.121	79,89%	135,97%
Tổng tài sản	130.957	100,00%	179.153	100,00%	136,80%

Cơ cấu tài sản



Tính đến cuối năm 2022, Công ty ghi nhận mức tổng tài sản đạt giá trị 179.152,79 triệu đồng, tăng 36,80% so với thời điểm cuối năm 2021. Trong đó, tài sản ngắn hạn chiếm 20,11%, tương ứng 36.031,74 triệu đồng và tăng 40,2% so với cuối năm trước. Tài sản dài hạn vẫn chiếm tỷ trọng cao trong cấu trúc tài sản với tỷ trọng 79,89%, tương ứng 143.121,04 triệu đồng. Nhìn chung, dù tổng tài sản tăng mạnh nhưng cơ cấu tài sản không biến động nhiều so với năm trước.

Cuối năm 2022, tài sản ngắn hạn tăng 40,2% so với đầu kỳ. Trong đó, lượng tiền mặt (chiếm 31,11% giá trị tài sản ngắn hạn) tăng 40,64%, đạt 11.208,21 triệu đồng. Bên cạnh đó, các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tăng đến 113,75% tương ứng tăng từ 4.252,45 triệu đồng lên 9.089,60 triệu đồng. Sự tăng trưởng trong cơ cấu tài sản ngắn hạn thể hiện công ty đang tạo được doanh thu, thể hiện qua sự duy trì và tăng trưởng doanh số trong năm.

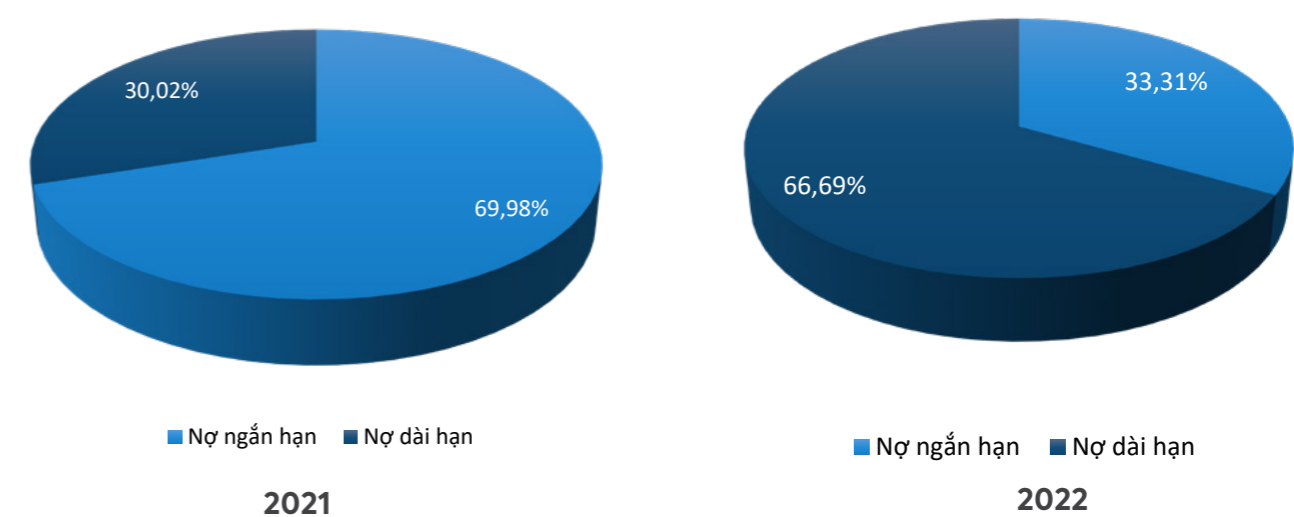
Tài sản dài hạn trong năm tăng trưởng 35,97% chủ yếu đến từ việc Công ty tăng cường đầu tư tài sản, mua mới máy móc, thiết bị đối với Trung tâm Logistics Vinatrans Danang. Cụ thể, giá trị mua sắm mới máy móc, thiết bị dụng cụ trong năm đạt 35.697,29 triệu đồng. Bên cạnh đó, trong năm, Công ty đã hạch toán khoản mục Tài sản dở dang dài hạn (đối với Trung tâm Logistics Vinatrans Danang) sang tài sản cố định. Qua đó, giá trị tài sản cố định của Công ty đã tăng đến 749,93% so với cuối năm trước và chiếm 97,77% trong tổng giá trị tài sản dài hạn (2,23% còn lại là các chi phí trả trước dài hạn).

Tình hình nợ phải trả

Đơn vị: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2021		31/12/2022		% 2022/2021
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Nợ ngắn hạn	51.019	69,98%	40.191	33,31%	78,78%
Nợ dài hạn	21.890	30,02%	80.466	66,69%	367,59%
Tổng nợ phải trả	72.909	100,00%	120.657	100,00%	165,49%

Cơ cấu nợ phải trả



Tính đến cuối năm 2022, tổng Nợ phải trả của công ty là 120.657,56 triệu đồng, tăng 65,49% so với thời điểm cuối năm 2021. Tác động chủ yếu với sự gia tăng Nợ phải trả đến từ Nợ dài hạn. Nợ dài hạn của Công ty tại thời điểm cuối năm đạt 80.466,28 triệu đồng tương đương 367,59% giá trị năm ngoái. Trong năm, Công ty đã tiến hành vay ngân hàng Shinhan Bank 58.576,28 triệu đồng với lãi suất 7%/năm, kỳ hạn 84 tháng phục vụ việc đầu tư Trung tâm Logistics và mua sắm thiết bị, dụng cụ mới. Việc tăng tỷ trọng nợ dài hạn phục vụ kế hoạch kinh doanh của Công ty đòi hỏi Ban lãnh đạo cần có kế hoạch quản lý chi phí tài chính hiệu quả để mang lại hiệu quả kinh doanh trong giai đoạn sắp tới.

Bên cạnh đó, cơ cấu Nợ phải trả của Công ty ghi nhận sự thay đổi đáng kể. Nếu năm trước, phần lớn Nợ phải trả là Nợ ngắn hạn, thì năm nay, cơ cấu này lại đảo ngược. Nợ ngắn hạn của Công ty cuối năm 2022 ghi nhận là 40.191,28 triệu đồng, giảm 21,22% so với cuối năm trước, chiếm tỷ trọng 33,31% (năm trước có tỷ trọng là 69,98%) trong cơ cấu Nợ phải trả. Ngược lại, tỷ trọng Nợ dài hạn trong cơ cấu Nợ phải trả lại tăng từ 30,02% lên 66,69%, với ghi nhận giá trị vào cuối năm 2022 là 80.466,28 triệu đồng, tăng 267,59% so với giá trị cuối năm 2021.

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý



Chính sách giá: Linh hoạt, có tính cạnh tranh phù hợp với thị trường cũng như đảm bảo doanh thu lợi nhuận cho công ty, tối ưu hóa chi phí.

Chính sách chất lượng dịch vụ: Luôn đưa chất lượng dịch vụ hàng đầu, tạo uy tín trên thị trường



Áp dụng quy trình hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 và tiếp tục hoàn thiện trong thời gian tới. Đối với công nghệ thông tin trong hệ thống quản lý Trung tâm Logistics Vinatrans ĐN. Thời gian đến sẽ tiếp tục hoàn thiện các phần mềm quản lý về chất lượng dịch vụ, quản lý quy trình làm hàng, quản lý chi phí, chăm sóc khách hàng..cho mọi hoạt động của công ty



Tập trung nghiên cứu thị trường trong phân khúc phân phối hàng hóa, tạo thêm dịch vụ mới cũng như đáp ứng nhu cầu khách hàng tại khu vực miền Trung. Hiện tại, Trung Tâm Logistics Vinatrans ĐN đã nhận dịch vụ phân phối hàng hóa thực phẩm đông lạnh tại Đà Nẵng và các tỉnh miền Trung



Chính sách đào tạo: Hàng năm công tác đào tạo luôn được công ty chú trọng để ngày càng nâng cao chất lượng nhân sự, tập trung vào các quản lý cấp trung để có thể đáp ứng được công việc tốt hơn

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH2022	KH2023
2	Doanh thu thuần	71.158	96.000
3	Lợi nhuận trước thuế	1.503	6.000

Năm 2023, dự báo ngành vận tiếp tục gặp nhiều khó khăn do suy thoái kinh tế dẫn đến thương mại toàn cầu giảm sút. Một số rủi ro kinh tế tiếp tục duy trì trong năm 2023 có thể thấy như: Xung đột Nga- Ukraine tiếp diễn khó lường, cùng với cấm vận thương mại Nga của EU - Mỹ... kéo dài làm đứt gãy các chuỗi cung ứng, gia tăng lạm phát trên toàn cầu, gây suy thoái kinh tế; giá năng lượng, tỷ giá USD, EURO không ổn định và liên tục biến động. Nhu cầu tiêu dùng tại các thị trường xuất khẩu lớn (Châu Âu, Hoa Kỳ) suy giảm, hoạt động của các doanh nghiệp sản xuất xuất khẩu ngày càng khó khăn. Tuy nhiên với việc đưa vào hoạt động Trung tâm Logistics Vinatrans Danang, Công ty kỳ vọng sẽ gia tăng đóng góp mảng doanh thu kho bãi vào tổng doanh thu của Công ty.

Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Không có

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

VMT luôn nhận thức rõ tầm quan trọng của các vấn đề liên quan đến môi trường. Công tác bảo vệ môi trường không chỉ là hoạt động kinh doanh của Công ty để mang lại lợi nhuận, mà còn là trách nhiệm của từng cá nhân đối với môi trường và xã hội. Ban lãnh đạo thường tiến hành các cuộc họp để thảo luận về công tác bảo vệ môi trường, đề xuất những giải pháp để tối ưu hóa hoạt động kinh doanh, tiết kiệm tài nguyên nước và năng lượng. Ngoài ra, Công ty còn tổ chức phân loại chất thải tại khu vực văn phòng, nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho từng nhân viên và người thân, giữ gìn mỹ quan tại nơi làm việc và nơi sinh sống.

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Nhân tài được coi là nguồn lực quan trọng nhất của công ty vì vậy, công ty luôn đặt sự phát triển của con người lên hàng đầu và cung cấp một môi trường làm việc sạch sẽ, trang thiết bị đầy đủ để nhân viên làm việc thoải mái.

Công ty cũng tạo điều kiện cho nhân viên thể hiện tài năng, tham gia vào các cuộc thi sáng tạo và khai thác tối đa tiềm năng của mình trong công việc. Hằng năm, công ty cố gắng tăng thu nhập cho nhân viên, đồng thời xây dựng lòng trung thành và gắn bó lâu dài với nhân viên, để thu hút thêm nhân tài và đóng góp vào sự phát triển bền vững của công ty.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công ty VMT cam kết tuân thủ các quy định pháp luật và địa phương liên quan đến bảo vệ môi trường. Ngoài mục tiêu lợi nhuận, công ty còn tập trung vào việc cải thiện chất lượng dịch vụ và triển khai các chương trình tiết kiệm năng lượng, phân loại rác tại văn phòng công ty. Đồng thời, VMT cũng tổ chức đào tạo và hướng dẫn nhân viên để nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường. Công ty đảm bảo rằng nhân viên của mỗi bộ phận đều được hiểu rõ về chính sách, mục tiêu chất lượng môi trường của công ty và mục tiêu chất lượng của bộ phận mình.





04 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Các kế hoạch, định hướng phát triển của Hội đồng Quản trị Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	TH2021	KH2022	TH2022	%TH2022/ TH2021	%TH2022/ KH2022
Doanh thu thuần	67.990,82	99.000,00	71.157,50	104,66%	71,88%
Lợi nhuận trước thuế	10.125,05	1.340,00	1.502,58	14,84%	112,13%
Lợi nhuận sau thuế	8.110,60	1.072,00	1.215,22	14,98%	113,36%

Trong năm 2022, ban lãnh đạo và tập thể cán bộ, nhân viên của Công ty đã nỗ lực xây dựng và triển khai kế hoạch kinh doanh sát với thực tế tình hình vĩ mô, vi mô, biến động ngành nghề và đặt mục tiêu khai thác tối đa lợi thế, cơ hội, duy trì và thúc đẩy nhịp độ tăng trưởng 2022 trên đà tốc độ tăng trưởng mạnh mẽ của năm 2021. Tuy nhiên, năm 2022 là năm có vô vàn biến động, thách thức và khó khăn đối với hoạt động của Công ty với tư cách là một doanh nghiệp logistics, khó khăn lớn nhất mà Công ty phải đối mặt đó là biến động giá năng lượng, nguyên vật liệu đầu vào, cạnh tranh giữa các doanh nghiệp cùng ngành, rủi ro từ chuỗi cung ứng, bất ổn chính trị trên thế giới, nhu cầu mua sắm tiêu dùng giảm. Bên cạnh đó, trong năm 2022, với định hướng đầu tư về cơ sở vật chất máy móc, thiết bị, làm tăng đáng kể chi phí của Công ty. Do đó, trong năm kinh doanh tiếp theo, Ban lãnh đạo cũng như tập thể quản lý Công ty cần chuẩn bị kế hoạch kinh doanh phù hợp để đạt được kết quả kinh doanh tốt.

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

Ban Tổng Giám đốc đã chủ động và khéo léo ứng phó với các biến động kinh tế trên thế giới và tại Việt Nam, đồng thời nỗ lực giảm thiểu tác động tiêu cực đến hoạt động của Công ty để đạt kế hoạch HĐQT đã thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022. Các phương hướng kinh doanh đã được điều chỉnh phù hợp để thích ứng với xu hướng mới và giúp Công ty vượt qua những thách thức khó khăn để hoàn thành mục tiêu kinh doanh trong năm.

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH2022	KH2023
2	Doanh thu thuần	71.158	96.000
3	Lợi nhuận trước thuế	1.503	6.000





05 QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

Hội đồng quản trị

Thành phần và cơ cấu HĐQT

Tính tại ngày 31.12.2022

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Bích Lân	Chủ tịch HĐQT	20.000	0,63%
2	Vũ Quốc Bảo	Thành viên HĐQT	-	-
3	Nguyễn Tấn Mẫn	Thành viên HĐQT	-	-
4	Nguyễn Ngọc Thắng	Thành viên HĐQT	-	-
5	Lê Hoàng Như Uyên	Thành viên HĐQT	-	-

Lý lịch thành viên HĐQT

Ông Nguyễn Bích Lân – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày tháng năm sinh: 10/04/1960

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Đại học chuyên ngành Ngoại ngữ

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT công ty VINAFREIGHT. Thành viên HĐQT Công ty Transimex, Công ty CP GN Vận tải Ngoại Thương và Công ty CP Cảng MIPEC

Số CP nắm giữ: 20.000 cổ phiếu, chiếm 0,63% vốn điều lệ

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác
1988 – 2001	Công tác tại CTCP Giao nhận kho vận Ngoại thương Việt Nam
2002 – đến nay	Công tác tại Công ty VINAFREIGHT
2018 – đến nay	Công tác tại CTCP Giao nhận vận tải miền Trung

Bà Lê Hoàng Như Uyên – Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày tháng năm sinh: 08/03/1973

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Đại học

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Tổng giám đốc CTCP Giao nhận kho vận Ngoại thương Việt Nam.

Số CP nắm giữ: 0 cổ phiếu, chiếm 0,00% vốn điều lệ

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác
1996 – đến nay	Công tác tại CTCP Giao nhận kho vận Ngoại thương Việt Nam
01/4/2021 – đến nay	Thành viên HĐQT tại CTCP Vận tải Miền Trung

Ông Nguyễn Ngọc Thắng – Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày tháng năm sinh: 05/02/1976

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tin học

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Phó Giám đốc CTCP Transimex Hi Tech Logistics; Giám đốc CTCP Dịch vụ Logistics Long An

Số CP nắm giữ: 0 cổ phiếu, chiếm 0,00% vốn điều lệ

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác
2010 – 2016	Công tác tại CTCP Transimex
2016 – Đến nay	Công tác tại CTCP Transimex Hi Tech Logistics

Ông Vũ Quốc Bảo – Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày tháng năm sinh:	31/12/1970
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Quản Trị Kinh Doanh
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác	Thành viên HĐQT Công ty Liên doanh dịch vụ đại lý vận chuyển FC Việt Nam; Thành viên HĐQT Công ty TNHH Điều hành vận chuyển hàng hóa liên kết LCM.
Số CP nắm giữ	0 cổ phiếu, chiếm 0,00% vốn điều lệ

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác
1994 – 2003	Công tác tại CTCP Giao nhận kho vận Ngoại thương Việt Nam
2003 – 2004	Công tác tại Công ty VINAFREIGHT
2004 – 2010	Công tác tại Công ty Liên doanh – Hãng tàu RCL Việt Nam
2010 – đến nay	Công tác tại Công ty Vinalink Logistics

Ông Nguyễn Tấn Mẫn – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Xem Mục 2 – Chương 2: Tổ chức và Nhân sự.

Danh sách thay đổi trong thành viên HĐQT

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Nguyễn Nam Tiến	Thành viên HĐQT		11/05/2022
2	Hồ Văn Tú	Thành viên HĐQT		11/05/2022
3	Vũ Quốc Bảo	Thành viên HĐQT	11/05/2022	
4	Nguyễn Ngọc Thắng	Thành viên HĐQT	11/05/2022	

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Ban Tổng Giám đốc được HĐQT ủy nhiệm để triển khai thực hiện và báo cáo các Nghị quyết của HĐQT. HĐQT đã hoàn thành trách nhiệm giám sát Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty, đảm bảo tuân thủ pháp luật và quy định của Công ty cũng như có những định hướng kinh doanh phù hợp, tạo động lực để tập thể Công ty hoàn thành các mục tiêu mà ĐHCĐ đã thông qua. Đồng thời, HĐQT cũng giám sát Ban Tổng Giám đốc đầy đủ trong việc thực hiện các Nghị quyết của HĐQT, đảm bảo tiến độ thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2022 và dự án đầu tư Trung tâm Logistics Danang đã được ĐHCĐ phê chuẩn

Các cuộc họp của HĐQT

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi tham dự	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự họp
1	Nguyễn Bích Lâm	13	13/13	
2	Nguyễn Nam Tiến	6	6/13	Hết nhiệm kỳ
3	Hồ Văn Tú	6	6/13	Hết nhiệm kỳ
4	Vũ Quốc Bảo	7	7/13	Mới được bầu nhiệm kỳ mới
5	Nguyễn Tấn Mẫn	13	13/13	
6	Nguyễn Ngọc Thắng	7	7/13	Mới được bầu nhiệm kỳ mới
7	Lê Hoàng Như Uyên	13	13/13	



Nội dung các Nghị quyết của HĐQT

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ
1	01/2022/NQ.HĐQT	07/03/2022	Thông báo ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 là ngày 28/03/2022.	100%
2	02/2022/NQ.HĐQT	16/03/2022	Về việc ký kết Phụ lục hợp đồng phát sinh thi công gói thầu " Thiết kế, lắp đặt kết cấu thép, thi công xây dựng & MEP" với Công ty TNHH Xây Dựng và Thương Mại An Tâm.	100%
3	03/2022/NQ.HĐQT	22/03/2022	Về việc ký kết Hợp đồng : "Mua xe nâng hàng bằng điện – kiểu xe Reach truck" với Công ty Cổ Phần Samco Vina.	100%
4	04/2022/NQ.HĐQT	20/04/2022	HĐQT duyệt một số nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ thường niên 2022.	100%
5	05/2022/NQ.HĐQT	26/04/2022	Về việc thay đổi thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, thông báo trước đó dự kiến ngày 26/04/2022 chuyển sang ngày 11/05/2022.	100%
6	06/2022/NQ.HĐQT	29/04/2022	Về việc bổ sung tờ trình ĐHĐCĐ - phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phương án sử dụng vốn từ đợt chào bán cổ phiếu	100%
7	01/NQ.HĐQT-VMT	11/05/2022	Thống nhất bầu Ông Nguyễn Bích Lân làm Chủ tịch HĐQT Công ty CP Giao Nhận vận tải Miền Trung.	100%
8	02/NQ.HĐQT-VMT	28/06/2022	Thông qua việc hủy đăng ký chứng khoán (Mã CK: VMT) tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD)	100%
9	03/NQ.HĐQT-VMT	14/07/2022	Về việc chọn Công ty kiểm toán độc lập cho Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty là Công ty TNHH Ernst & Young.	100%
10	04/NQ.HĐQT-VMT	17/08/2022	Thông qua việc tiếp tục đăng ký chứng khoán (Mã: VMT) tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD).	100%
11	05/NQ.HĐQT-VMT	18/10/2022	Thông qua việc đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công Ty trên Sở Giao Dịch chứng khoán(SGDCCK)	100%
12	06/NQ.HĐQT-VMT	29/11/2022	Thông qua việc ký Hợp đồng cho thuê mặt bằng và nhà kho tại địa chỉ số 49 Phan Đăng Lưu, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng	100%
13	07/NQ.HĐQT-VMT	26/12/2022	Thông qua việc đăng ký giao dịch lần đầu cổ phiếu Công ty Cổ Phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung trên SGDCCK Hà Nội.	100%

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

Không có

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

Không có



Ban kiểm soát

Thành phần và cơ cấu Ban kiểm soát

Tính tại ngày 31.12.2022

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Hồng Kim Chi	Trưởng BKS	100	0,00%
2	Nguyễn Hải Nhật	Thành viên BKS	-	-
3	Nguyễn Trịnh Phương Thảo	Thành viên BKS	-	-

Lý lịch thành viên Ban kiểm soát

Bà Nguyễn Hồng Kim Chi – Trưởng ban kiểm soát

Ngày tháng năm sinh: 31/10/1973

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Kế toán trưởng CTCP Transimex; Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Trung tâm Phân phối Transimex; Thành viên Ban kiểm soát CTCP VINAFREIGHT; Trưởng Ban kiểm soát CTCP Logistics Vĩnh Lộc

Số CP nắm giữ: 100 cổ phiếu, chiếm 0,00% vốn điều lệ

Quá trình công tác:

Thời gian

Nơi công tác

2016 – đến nay	Công tác tại CTCP VINAFREIGHT
2018 – đến nay	Công tác tại Công ty TNHH MTV Trung tâm Phân phối Transimex
2020 – đến nay	Công tác tại CTCP Logistics Vĩnh Lộc
2020 – đến nay	Công tác tại CTCP Giao Nhận Vận Tải Miền Trung

Ông Nguyễn Hải Nhật – Thành viên Ban kiểm soát

Ngày tháng năm sinh: 28/08/1983

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Kế toán trưởng CTCP Vận tải Transimex; Thành viên BKS CTCP Vinafreight.

Số CP nắm giữ: 0 cổ phiếu, chiếm 0,00% vốn điều lệ

Quá trình công tác:

Thời gian

Nơi công tác

2006 – 2007	Công ty TNHH Bình Thủy Trị An – Thủ kho
2007 – 2009	Công ty TNHH TM – SX Tiến Lộc – Kế toán giá thành
2009 – 2011	Kế toán TH, KT trưởng CTCP SX Kinh doanh Nhà Hải An
2011 – đến nay	Kế toán trưởng CTCP Vận tải Transimex

Bà Nguyễn Trịnh Phương Thảo – Thành viên Ban kiểm soát

Ngày tháng năm sinh: 02/01/1981

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Phó phòng kế toán CTCP VINAFREIGHT

Số CP nắm giữ: 0 cổ phiếu, chiếm 0,00% vốn điều lệ

Quá trình công tác:

Thời gian

Nơi công tác

2002 – 2004	Công tác tại Công ty Tư vấn Hoàng Long
2004 – đến nay	Công tác tại CTCP VINAFREIGHT
2012 – đến nay	Công tác tại CTCP Giao Nhận Vận Tải Miền Trung

Danh sách thay đổi trong thành viên Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Nguyễn Anh Nam	Thành viên BKS		11/05/2022
2	Nguyễn Hải Nhật	Thành viên BKS	11/05/2022	

Hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát đã hoàn thành nhiệm vụ giám sát công tác quản lý và điều hành của Hội đồng quản trị (HDQT) và Ban Tổng Giám đốc (BTGD) bằng cách tham gia vào các phiên họp HDQT và cung cấp báo cáo tài chính hàng quý, năm. Bên cạnh đó, Ban kiểm soát cũng đề xuất cho HDQT chọn công ty kiểm toán để thực hiện báo cáo tài chính hàng năm và kiểm định báo cáo tài chính năm của công ty.

Ban kiểm soát còn phối hợp chặt chẽ với HDQT, BTGD và các cán bộ quản lý khác để đảm bảo hoạt động kinh doanh được diễn ra một cách trơn tru. HDQT đã cung cấp đầy đủ các Nghị quyết cho Ban kiểm soát, còn BTGD đã hỗ trợ Ban kiểm soát trong việc thu thập thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh.

Các cuộc họp của Ban kiểm soát

STT	Thành viên HDQT	Số buổi tham dự	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự
1	Bà Nguyễn Hồng Kim Chi	02	02/02	
2	Ông Nguyễn Hải Nhật	01	01/02	Mới được bổ nhiệm ở nhiệm kỳ mới
3	Bà Nguyễn Trịnh Phương Thảo	02	02/02	
4	Bà Nguyễn Anh Nam	01	01/02	Hết nhiệm kỳ



Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

STT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao (VNĐ)	Ghi chú
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			228.000.000	
1	Nguyễn Bích Lân	Chủ tịch HDQT	60.000.000	
2	Vũ Quốc Bảo	Thành viên HDQT	26.800.000	
3	Nguyễn Tấn Mẫn	Thành viên HDQT	42.000.000	
4	Nguyễn Ngọc Thắng	Thành viên HDQT	26.800.000	
5	Lê Hoàng Như Uyên	Thành viên HDQT	42.000.000	
6	Nguyễn Nam Tiến	Thành viên HDQT	15.200.000	Miễn nhiệm ngày 11/05/2022
7	Hồ Văn Tú	Thành viên HDQT	15.200.000	Miễn nhiệm ngày 11/05/2022
BAN KIỂM SOÁT			78.000.000	
8	Nguyễn Hồng Kim Chi	Trưởng BKS	42.000.000	
9	Nguyễn Hải Nhật	Thành viên BKS	11.500.000	
10	Nguyễn Trịnh Phương Thảo	Thành viên BKS	18.000.000	
11	Nguyễn Anh Nam	Thành viên BKS	6.500.000	Miễn nhiệm ngày 11/05/2022
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC			809.579.147	
12	Nguyễn Tấn Mẫn	Tổng Giám đốc	427.041.944	
13	Hồ Văn Tú	Phó Tổng Giám đốc	382.537.183	

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Không

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty



Trong năm kinh doanh tiếp theo, Công ty đã đặt ra những kế hoạch và định hướng để tăng cường hoạt động quản trị như sau:

Giám sát HĐQT và BTGD trong việc quản lý và điều hành Công ty để đảm bảo tuân thủ pháp luật và quy định của Công ty.



Giám sát HĐQT và BTGD trong việc ban hành, triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT, cũng như đảm bảo tiến độ thực hiện kế hoạch kinh doanh và các dự án đầu tư đã được ĐHCĐ phê chuẩn.



Trong năm 2022, BKS sẽ tiếp tục cải thiện các quy trình làm việc và thực hiện các hoạt động giám sát thông qua các thành viên BKS để đảm bảo tính tuân thủ trong hoạt động của HĐQT và BTGD.



BKS sẽ tăng cường sự phối hợp chặt chẽ với ban quản lý điều hành Công ty, đưa ra các giải pháp đề xuất thích hợp và kịp thời góp phần vào sự phát triển kinh doanh và nâng cao khả năng quản trị của Công ty, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững của Công ty.



06 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 28

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0400426836 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 12 tháng 8 năm 2002, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cung cấp các dịch vụ vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu; đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài; dịch vụ các thủ tục hải quan và các dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu; kinh doanh kho bảo quản hàng hóa xuất nhập khẩu; kinh doanh kho bãi theo quy định của pháp luật.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 184 Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Bích Lân	Chủ tịch	
Ông Vũ Quốc Bảo	Thành viên	bổ nhiệm ngày 11 tháng 5 năm 2022
Ông Nguyễn Ngọc Thắng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 11 tháng 5 năm 2022
Ông Nguyễn Tấn Mẫn	Thành viên	
Bà Lê Hoàng Như Uyên	Thành viên	
Ông Nguyễn Nam Tiến	Thành viên	miễn nhiệm ngày 11 tháng 5 năm 2022
Ông Hồ Văn Tú	Thành viên	miễn nhiệm ngày 11 tháng 5 năm 2022

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Hồng Kim Chi	Trưởng ban	
Bà Nguyễn Trịnh Phương Thảo	Thành viên	
Ông Nguyễn Hải Nhật	Thành viên	bổ nhiệm ngày 11 tháng 5 năm 2022
Ông Nguyễn Anh Nam	Thành viên	miễn nhiệm ngày 11 tháng 5 năm 2022

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo như sau:

Ông Nguyễn Tấn Mẫn	Tổng Giám đốc
Ông Hồ Văn Tú	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Tấn Mẫn.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc: 

Nguyễn Tấn Mẫn
Tổng Giám đốc

Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2023

Số tham chiếu: 12761246/66715487

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung ("Công ty") được lập ngày 24 tháng 3 năm 2023 và được trình bày từ trang 5 đến trang 28, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Hàng Nhật Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1772-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2023

Ngô Trần Quang
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 5629-2020-004-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		36.031.743.058	25.699.783.814
110	I. Tiền	4	11.208.212.039	7.969.628.617
111	1. Tiền		11.208.212.039	7.969.628.617
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		1.144.200.000	300.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	1.144.200.000	300.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		12.135.409.789	9.194.967.258
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	9.089.603.898	4.252.450.564
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	908.917.740	3.226.097.072
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	2.136.888.151	1.716.419.622
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		11.543.921.230	8.235.187.939
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	179.894.311	91.583.693
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	12	11.364.026.919	8.143.604.246
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		143.121.043.211	105.256.928.440
220	I. Tài sản cố định		139.931.565.612	16.463.938.003
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	125.306.950.598	1.839.322.989
222	Nguyên giá		136.067.863.356	7.019.106.990
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(10.760.912.758)	(5.179.784.001)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	14.624.615.014	14.624.615.014
228	Nguyên giá		14.624.615.014	14.624.615.014
229	Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		-	85.190.752.814
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	85.190.752.814
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn		-	1.779.412.618
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	785.212.618
255	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	994.200.000
260	IV. Tài sản dài hạn khác		3.189.477.599	1.822.825.005
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	3.189.477.599	1.822.825.005
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		179.152.786.269	130.956.712.254

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		120.657.555.360	72.909.200.557
310	I. Nợ ngắn hạn		40.191.277.286	51.019.200.557
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	7.021.018.164	19.525.496.583
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		2.788.900	272.806.968
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	364.701.007	164.645.469
314	4. Phải trả người lao động		1.029.327.834	1.004.198.855
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		92.591.334	33.396.859
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	13	224.000.000	270.686.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	14	1.922.581.313	357.979.853
320	8. Vay ngắn hạn	16	29.000.000.000	29.000.000.000
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15	534.268.734	389.989.970
330	II. Nợ dài hạn		80.466.278.074	21.890.000.000
338	1. Vay dài hạn	16	80.466.278.074	21.890.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		58.495.230.909	58.047.511.697
410	I. Vốn chủ sở hữu	17.1	58.495.230.909	58.047.511.697
411	1. Vốn cổ phần		31.500.000.000	31.500.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		31.500.000.000	31.500.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		393.000.000	393.000.000
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		2.878.400.693	2.472.870.806
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		23.723.830.216	23.681.640.891
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		22.826.111.004	15.571.043.143
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		897.719.212	8.110.597.748
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		179.152.786.269	130.956.712.254

Thị Lành

Đặng Thị Lành
Người lập/ Kế toán trưởng

Ngày 24 tháng 3 năm 2023



Nguyễn Tấn Mẫn
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ	18.1	71.157.503.715	67.990.822.285
11	2. Giá vốn dịch vụ cung cấp	19	(67.767.718.733)	(62.425.047.457)
20	3. Lợi nhuận gộp từ cung cấp dịch vụ		3.389.784.982	5.565.774.828
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	18.2	6.914.796.017	7.045.088.909
22	5. Chi phí tài chính	20	(5.581.918.420)	(51.551.354)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(5.547.670.598)	-
26	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	(3.249.736.250)	(2.861.723.654)
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.472.926.329	9.697.588.729
31	8. Thu nhập khác	22	106.540.769	427.463.456
32	9. Chi phí khác	22	(76.888.466)	-
40	10. Lợi nhuận khác	22	29.652.303	427.463.456
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.502.578.632	10.125.052.185
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.1	(287.359.420)	(2.014.454.437)
60	13. Lợi nhuận sau thuế TNDN		1.215.219.212	8.110.597.748
70	14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	17.5	285	3.561
71	15. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	17.5	285	3.561

Đặng Thị Lành

Đặng Thị Lành
Người lập/ Kế toán trưởng



Nguyễn Tấn Mẫn
Nguyễn Tấn Mẫn
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.502.578.632	10.125.052.185
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình	9	5.631.128.757	381.122.924
03	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(79.928.975)	(9.519.213)
04	Lãi từ hoạt động đầu tư		(6.815.909.795)	(7.406.318.965)
05	Chi phí lãi vay	20	5.547.670.598	-
08	Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		5.785.539.217	3.090.336.931
09	Tăng các khoản phải thu		(6.168.272.611)	(12.330.725.580)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(15.494.317.671)	685.544.230
12	Tăng chi phí trả trước		(1.454.963.212)	(35.730.283)
14	Tiền lãi vay đã trả		(5.884.161.102)	(503.209.861)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	12	(131.810.870)	(1.913.937.507)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	15	(623.221.236)	(397.500.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(23.971.207.485)	(11.405.222.070)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(39.204.945.962)	(70.945.005.900)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản		7.407.407	900.000.000
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(4.150.000.000)	(1.294.200.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		4.300.000.000	200.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(990.000.000)
26	Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		7.372.822.950	10.071.315.000
27	Tiền thu từ lãi tiền gửi		228.299.463	162.101.849
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(31.446.416.142)	(61.895.789.051)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	17.1	-	15.750.000.000
33	Tiền thu từ đi vay	16	58.576.278.074	50.890.000.000
36	Cổ tức đã trả	17.2	-	(787.500.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		58.576.278.074	65.852.500.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		3.158.654.447	(7.448.511.121)
60	Tiền đầu năm		7.969.628.617	15.408.231.408
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		79.928.975	9.908.330
70	Tiền cuối năm	4	11.208.212.039	7.969.628.617

Thanh

Đặng Thị Lành
Người lập/ Kế toán trưởng

Ngày 24 tháng 3 năm 2023



Nguyễn Tấn Mẫn
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0400426836 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 12 tháng 8 năm 2002, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cung cấp các dịch vụ vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu; đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài; dịch vụ các thủ tục hải quan và các dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu; kinh doanh kho bãi theo quy định của pháp luật.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 184 Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 52 người (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 42).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Các chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 4 năm
Phương tiện vận tải	6 - 8 năm

Quyền sử dụng đất lâu dài thì không được trích hao mòn.

3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm chi phí xây dựng nhà máy, chi phí lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được tính khấu hao cho đến khi các tài sản liên quan được hoàn thiện và đưa vào sử dụng.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên:

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần, hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	239.358.909	478.092.262
Tiền gửi ngân hàng	7.783.853.130	7.491.536.355
Tiền đang chuyển	3.185.000.000	-
TỔNG CỘNG	11.208.212.039	7.969.628.617

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi ngân hàng (*)	150.000.000	300.000.000
Trái phiếu (**)	994.200.000	-
TỔNG CỘNG	1.144.200.000	300.000.000

(*) Số cuối năm thể hiện khoản tiền gửi ngắn hạn tại ngân hàng thương mại có kỳ hạn mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất từ 6,2%/năm.

(**) Số cuối năm thể hiện giá trị của 9.942 trái phiếu chuyển đổi do Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương phát hành, mệnh giá 100.000 VND/trái phiếu và hưởng lãi suất 7%/năm. Các trái phiếu này sẽ đáo hạn vào ngày 29 tháng 1 năm 2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	1.273.241.496	146.856.110
Phải thu từ bên thứ ba	7.816.362.402	4.105.594.454
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	1.764.726.480	353.408.300
Công ty TNHH Thái Phúc Tấn	868.304.230	-
Các khách hàng khác	5.183.331.692	3.752.186.154
TỔNG CỘNG	9.089.603.898	4.252.450.564

6.2 Trả trước ngắn hạn cho người bán

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH TM-SX Tân Phương Phát	648.710.920	853.834.960
Công ty Cổ phần Đầu tư Khu Công nghiệp Hòa Cẩm	165.699.820	165.699.820
Các nhà cung cấp khác	94.507.000	2.206.562.292
TỔNG CỘNG	908.917.740	3.226.097.072

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng cho nhân viên	22.248.820	118.962.127
Kỳ quỹ, kỳ cược	-	75.000.000
Khác	2.114.639.331	1.522.457.495
TỔNG CỘNG	2.136.888.151	1.716.419.622

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	179.894.311	91.583.693
Bảo hiểm	90.553.677	-
Chi phí thuê văn phòng	25.000.000	25.000.000
Công cụ dụng cụ	1.432.140	18.754.545
Khác	62.908.494	47.829.148
Dài hạn	3.189.477.599	1.822.825.005
Công cụ dụng cụ	1.934.217.411	254.938.536
Tiền thuê đất	1.194.705.180	1.433.646.216
Khác	60.555.008	134.240.253
TỔNG CỘNG	3.369.371.910	1.914.408.698

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá					VND
Số đầu năm	5.046.235.903	213.525.377	1.726.436.619	32.909.091	7.019.106.990
Chuyển từ xây dựng dở dang	86.166.781.489	25.686.556.699	402.253.281	-	112.255.591.469
Mua mới	4.817.034.819	10.010.730.078	2.015.400.000	-	16.843.164.897
Thanh lý	-	(50.000.000)	-	-	(50.000.000)
Số cuối năm	96.030.052.211	35.860.812.154	4.144.089.900	32.909.091	136.067.863.356
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	2.005.562.389	163.525.377	549.813.710	-	2.718.901.476
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	(3.536.784.994)	(213.525.377)	(1.429.473.630)	-	(5.179.784.001)
Khấu hao trong năm	(2.797.788.088)	(2.488.509.826)	(338.249.023)	(6.581.820)	(5.631.128.757)
Thanh lý	-	50.000.000	-	-	50.000.000
Số cuối năm	(6.334.573.082)	(2.652.035.203)	(1.767.722.653)	(6.581.820)	(10.760.912.758)
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	1.509.450.909	-	296.962.989	32.909.091	1.839.322.989
Số cuối năm	89.695.479.129	33.208.776.951	2.376.367.247	26.327.271	125.306.950.598

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm các quyền sử dụng đất lâu dài sau đây:

- Quyền sử dụng đất tại số 49 Phan Đăng Lưu, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng;
- Quyền sử dụng đất tại Lô số 202 – 203, Khu Quy hoạch Dân cư Hồ sinh thái, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định; và
- Quyền sử dụng đất tại 184 Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên bên khác	4.198.296.017	17.770.368.153
Công ty Cổ phần Kỹ nghệ lạnh Á Châu	2.000.000.000	4.532.141.214
Allegro International Service Inc	420.140.836	-
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Ngôi sao Mới LS	403.473.132	709.714.818
Các bên khác	1.374.682.049	12.528.512.121
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	2.822.722.147	1.755.128.430
TỔNG CỘNG	7.021.018.164	19.525.496.583

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Phải thu				VND
Thuế giá trị gia tăng	8.143.604.246	6.287.258.318	(3.066.835.645)	11.364.026.919
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	131.810.870	287.359.420	(131.810.870)	287.359.420
Thuế thu nhập cá nhân	32.834.599	178.884.852	(143.477.043)	68.242.408
Thuế giá trị gia tăng	-	19.935.605	(10.836.426)	9.099.179
Các loại thuế khác	-	75.078.404	(75.078.404)	-
TỔNG CỘNG	164.645.469	561.258.281	(361.202.743)	364.701.007

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền trả trước về cho thuê kho, thuê mặt bằng	224.000.000	270.686.000

14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi phải trả	1.529.452.085	-
Tiền cọc	365.000.000	285.000.000
Bảo hiểm xã hội	13.503.123	68.843.432
Khác	14.626.105	4.136.421
TỔNG CỘNG	1.922.581.313	357.979.853

15. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	389.989.970	2.626.494
Tăng trong năm	767.500.000	784.863.476
Giảm trong năm	(623.221.236)	(397.500.000)
Số cuối năm	534.268.734	389.989.970

16. VAY

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn	29.000.000.000	-	-	29.000.000.000
Vay từ bên liên quan	29.000.000.000	-	-	29.000.000.000
Vay dài hạn	21.890.000.000	58.576.278.074	-	80.466.278.074
Vay ngân hàng	21.890.000.000	58.576.278.074	-	80.466.278.074
TỔNG CỘNG	50.890.000.000	58.576.278.074	-	109.466.278.074

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VAY (tiếp theo)

16.1 Vay ngắn hạn từ bên liên quan

Chi tiết khoản vay ngắn hạn từ bên liên quan cho mục đích bổ sung nguồn vốn kinh doanh (Thuyết minh số 24) được trình bày như sau:

Bên liên quan	Số cuối năm	Lãi suất	Kỳ hạn	Ngày đáo hạn	Hình thức đảm bảo
	VND	%/năm	Tháng		
Công ty Cổ phần Transimex	29.000.000.000	7	12	Từ ngày 15 tháng 6 năm 2023 đến ngày 22 tháng 7 năm 2023	Tin chấp

16.2 Vay dài hạn từ ngân hàng

Chi tiết khoản vay ngân hàng dài hạn cho mục đích đầu tư xây dựng tài sản cố định được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Lãi suất	Kỳ hạn	Ngày đáo hạn	Hình thức đảm bảo
	VND	%/năm	Tháng		
Ngân hàng Shinhan Bank	80.466.278.074	7	84	Từ ngày 25 tháng 11 năm 2028 đến ngày 6 tháng 12 năm 2028	Các quyền sử dụng đất tại Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam, bao gồm số 49 Phan Đăng Lưu, Phường Hòa Cường Nam và số 184 Trần Phú, Phường Phước Ninh.

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND Tổng cộng
Năm trước					
Số đầu năm	15.750.000.000	393.000.000	2.250.432.862	17.365.844.563	35.759.277.425
Tăng vốn	15.750.000.000	-	-	-	15.750.000.000
Trích lập các quỹ	-	-	222.437.944	(1.007.301.420)	(784.863.476)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	8.110.597.748	8.110.597.748
Cổ tức công bố	-	-	-	(787.500.000)	(787.500.000)
Số cuối năm	31.500.000.000	393.000.000	2.472.870.806	23.681.640.891	58.047.511.697
Năm nay					
Số đầu năm	31.500.000.000	393.000.000	2.472.870.806	23.681.640.891	58.047.511.697
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	405.529.887	1.215.219.212	1.215.219.212
Trích lập các quỹ	-	-	-	(1.173.029.887)	(767.500.000)
Số cuối năm	31.500.000.000	393.000.000	2.878.400.693	23.723.830.216	58.495.230.909

21

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

17.2 Vốn cổ phần

Cổ đông	Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh			Vốn cổ phần đã góp VND
	Số lượng cổ phần	Giá trị (VND)	% sở hữu	
Công ty Cổ phần Vinafreight	878.400	8.784.000.000	27,89	8.784.000.000
Công ty Cổ phần Logistics Vinalink	878.400	8.784.000.000	27,89	8.784.000.000
Công ty Cổ phần Transimex	708.460	7.084.600.000	22,49	7.084.600.000
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	304.800	3.048.000.000	9,68	3.048.000.000
Khác	379.940	3.799.400.000	12,05	3.799.400.000
TỔNG CỘNG	3.150.000	31.500.000.000	100,00	31.500.000.000

17.3 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần		
Số đầu năm	31.500.000.000	15.750.000.000
Tăng trong năm	-	15.750.000.000
Số cuối năm	31.500.000.000	31.500.000.000

17.4 Cổ phiếu

	Số cổ phiếu	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu đăng ký phát hành	3.150.000	3.150.000
Cổ phiếu đã phát hành	3.150.000	3.150.000
Cổ phiếu đang lưu hành	3.150.000	3.150.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: VND 10.000 (31 tháng 12 năm 2021: VND 10.000)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

17.5 Lãi trên cổ phiếu

Công ty sử dụng các thông tin sau đây để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước (điều chỉnh lại)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (VND)	1.215.219.212	8.110.597.748
Trừ: Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(450.000.000)
Thù lao của HĐQT và BKS (VND) (*)	(317.500.000)	(295.500.000)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	897.719.212	7.365.097.748
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	3.150.000	2.068.269
Lãi cơ bản (VND)	285	3.561
Lãi suy giảm (VND)	285	3.561

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm trước đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao của HĐQT và BKS từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên ngày 11 tháng 5 năm 2022.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi của năm nay chưa được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt tại ngày lập báo cáo tài chính này.

Công ty không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm tàng nào kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm cho đến ngày lập báo cáo tài chính này.

18. DOANH THU

18.1 Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu dịch vụ vận tải	59.154.021.611	64.615.978.118
Doanh thu cho thuê kho bãi	9.896.133.825	2.860.116.895
Doanh thu cho thuê văn phòng	2.107.348.279	514.727.272
DOANH THU THUẦN	71.157.503.715	67.990.822.285
Trong đó:		
Các bên khác	67.470.919.754	66.939.725.429
Các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	3.686.583.961	1.051.096.856

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. DOANH THU (tiếp theo)

18.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền bán chứng khoán	6.587.610.332	6.821.527.618
Lãi tiền gửi	122.919.463	162.101.849
Cổ tức được chia	105.380.000	52.780.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	94.921.061	8.679.442
Khác	3.965.161	-
TỔNG CỘNG	6.914.796.017	7.045.088.909

19. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn dịch vụ vận tải	54.215.797.871	60.686.881.688
Giá vốn cho thuê kho bãi	13.535.982.541	1.738.165.769
Giá vốn cho thuê văn phòng	15.938.321	-
TỔNG CỘNG	67.767.718.733	62.425.047.457

20. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	5.547.670.598	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	8.403.131	15.243.432
Khác	25.844.691	36.307.922
TỔNG CỘNG	5.581.918.420	51.551.354

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lương nhân viên	2.061.520.502	1.678.140.860
Chi phí dịch vụ mua ngoài	293.412.840	399.992.406
Chi phí khấu hao và hao mòn	165.449.352	145.977.572
Khác	729.353.556	637.612.816
TỔNG CỘNG	3.249.736.250	2.861.723.654

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	106.540.769	427.463.456
Thu nhập từ khoản bồi thường	43.922.000	-
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	7.407.407	422.689.498
Thu nhập khác	55.211.362	4.773.958
Chi phí khác	(76.888.466)	-
Các khoản phạt	(36.098.466)	-
Khác	(40.790.000)	-
THU NHẬP KHÁC THUẦN	29.652.303	427.463.456

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	55.120.971.239	56.246.465.105
Chi phí lương nhân viên	7.019.554.773	5.808.279.692
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 9)	5.631.128.757	381.122.924
Khác	3.245.800.214	2.850.903.390
TỔNG CỘNG	71.017.454.983	65.286.771.111

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với thuế suất 20% thu nhập chịu thuế.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

24.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.502.578.632	10.125.052.185
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	300.515.727	2.025.010.437
<i>Điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	7.919.693	-
Cổ tức được chia	(21.076.000)	(10.556.000)
Chi phí thuế TNDN	287.359.420	2.014.454.437

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

24.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với bên liên quan

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm không cần bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Giao dịch trọng yếu của Công ty với các công ty liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Logistic Vinalink	Cổ đồng	Mua dịch vụ	932.835.251	418.837.240
		Cung cấp dịch vụ	53.941.023	55.641.781
		Cổ tức	80.000	52.780.000
Công ty Cổ phần Vinafreight	Cổ đồng	Cung cấp dịch vụ	1.433.369.379	275.285.545
		Mua dịch vụ	207.466.996	33.600.000
Công ty Cổ phần Transimex	Công ty mẹ	Mua dịch vụ	4.529.749.650	2.301.206.967
		Lãi vay	1.480.474.140	-
		Cung cấp dịch vụ	1.228.161.948	605.719.530
		Lãi vay được vốn hóa	549.525.890	1.000.328.732
Công ty Cổ phần Vận tải Transimex	Công ty trong cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	971.111.611	114.450.000
Công ty TNHH MTV Transimex Hi Park Logistics	Công ty trong cùng tập đoàn	Mua tài sản	391.345.873	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Transimex	Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	634.773.804	-
Công ty Cổ phần Vận tải Transimex	Công ty trong cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	575.299.144	125.895.000
Công ty Cổ phần Logistic Vinalink	Cổ đồng	Cung cấp dịch vụ	10.680.500	11.319.775
Công ty Cổ phần Vinafreight	Cổ đồng	Cung cấp dịch vụ	52.488.048	9.641.335
			1.273.241.496	146.856.110

Phải trả người bán ngắn hạn

Công ty Cổ phần Transimex	Công ty mẹ	Mua dịch vụ	2.390.957.567	1.138.195.000
		Lãi vay	-	574.958.871
Công ty TNHH MTV Transimex Hi Park Logistics	Cổ đồng	Mua tài sản cố định	430.480.460	-
Công ty Cổ phần Vinafreight	Cổ đồng	Mua dịch vụ	1.284.120	6.655.000
Công ty Cổ phần Logistics Vinalink	Cổ đồng	Mua dịch vụ	-	35.319.559
			2.822.722.147	1.755.128.430

Phải trả khác

Công ty Cổ phần Transimex	Công ty mẹ	Lãi vay	1.529.452.085	-
---------------------------	------------	---------	---------------	---

Vay ngắn hạn

Công ty Cổ phần Transimex	Công ty mẹ	Vay	<u>29.000.000.000</u>	<u>29.000.000.000</u>
---------------------------	------------	-----	-----------------------	-----------------------

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Thu nhập	
		Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Tấn Mẫn	Tổng Giám đốc	427.041.994	272.341.529
Ông Hồ Văn Tú	Phó Tổng Giám đốc	382.537.153	351.179.782
TỔNG CỘNG		809.579.147	623.521.311

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty là bên cho thuê

Công ty hiện đang cho thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải thu trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	1.644.090.909	450.000.000
Từ 1 đến 5 năm	2.340.000.000	285.000.000
TỔNG CỘNG	3.984.090.909	735.000.000

27. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Đặng Thị Lành

Đặng Thị Lành
Người lập/ Kế toán trưởng

Ngày 24 tháng 3 năm 2023



Nguyễn Tấn Mẫn
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN
GIAO NHẬN VẬN TẢI MIỀN TRUNG**

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 04 năm 2023

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN TẤN MÃN